

SỐ 1724

PHÁP HOA HUYỀN TÁN NGHĨA QUYẾT

Bí số Tuệ Chiếu chùa Đại Vân ở Tri Châu soạn

Hỏi: Bồ-tát có hai loại, đó là đốn ngộ và tiệm ngộ. Số có hai cách giải thích, thế nào là ưu điểm?

Đáp: Căn cứ vào đó mà chứng lý, gọi là đốn ngộ, đạt đến quả thánh mà hồi tâm gọi là tiệm ngộ tốt đẹp, người chưa đạt đến Thánh nên lý chưa ngộ. Nếu lấy tín ngộ mà gọi là tiệm ngộ, thì người có định tánh Đại thừa, chưa nghe Đại thừa, nói đầu đã nghe Tiểu thừa, tuy không hưởng đến cầu mong nghe mà tin hiểu, há gọi là tiệm ngộ ư? Nếu người tin hiểu này mà không gọi là tiệm ngộ vì chưa đạt đến Thánh tức là người hồi tâm cũng chẳng phải tiệm ngộ. Nếu như vậy hạng kia khi quyết định sự sanh, số lần sanh không nhiều, sao chẳng phải là tiệm ngộ? Điều này cũng không đúng. Nếu hưởng về Tiểu quả rồi, sự sanh quyết định hoặc quay về hưởng Đại thì số lần sanh bất định.

Hỏi: Khi sự sanh đã quyết định thì không nhiều lần sanh, lại không tạo nghiệp, làm thế nào bất định, ai nói không tạo nghiệp? Luận chép: Chi Hữu không thấu nhiếp hai địa vị, vì chán ghét hữu, nếu chấp nhận tạo nghiệp sao chẳng phải chi Hữu?

Đáp: Có hai cách giải thích: 1. Y cứ theo vô lậu là không thuộc về chi Hữu cho nên Tạp Tập nói: “Thuộc về Đạo đế chẳng phải hữu lậu, không như vậy làm thế nào cảm đến quả Thập vương? Các luận đều nói sáu Ba-la-mật, đều cảm đến quả đó, dù vô tướng hành cũng cảm đến quả kia. Luận Bát-nhã của Vô Trước nói: “Vì một, biến khắp nếu không cảm đến hữu lậu như thế nào nói là biến khắp? Còn đích thực là

hai, thì ở địa vị này không thể chánh cảm ứng, tạo nghiệp chiêu vời lấy hữu sau”. Kinh Duyên Khởi chép: “Nội pháp dị sanh, hoặc người buông lung, ba thứ vô minh làm duyên, nếu không buông lung thì không nói vô minh làm duyên”. Lại nói: “Các bậc Thánh hữu học không tạo nghiệp chiêu cảm hữu sau, chẳng nói phi Thánh cũng không tạo nghiệp”. Lại nói nếu không khổ, trở xuống vô minh, các hành không sanh, hai địa vị nếu đã chấp nhận hiện hành sao không tạo nghiệp? Gia hạnh đốn phục là nói theo địa vị viên mãn. Vì vậy cho nên biết hồi tâm hướng Đại thực hành trải qua nhiều đời do đó mà thành tựu đốn ngộ. Lại, Luận Tập Tập thứ mười ba nói: “Quyết định tránh sự sanh này có thể không đạt được đến lý, đó gọi là thông đạt thuận phần quyết trạch: Tức là chủng tánh bất định trong địa vị này, vì muốn quay lại hướng về Bồ-đề tối thắng và các bậc Độc Giác để cầu vô sư tự chứng Bồ-đề chuyển sang hướng đến đời khác, đó gọi là đời khác thuận theo phần quyết trạch. Đã nói chuyển sang hướng đến đời khác thì rõ ràng sự sanh bất định. Lại, ý của Pháp sư không nói nếu chắc chắn các đời kiếp, tuy về sau hồi tâm nhất định giữ lấy quả Thánh, mà càng về sau dẫn thiện càng mạnh mẽ. Bát-nhã nói: “Người cầu nhập chánh tánh ly sanh, y cứ ở người không thọ Biến dịch, đã không thọ Biến dịch rõ ràng đã hướng đến Đại thừa chẳng phải quả Thánh Tiểu thừa. Nói quyết định thời gian đời kiếp đều là mượn để nói về hạng người khác. Như vậy nay lại giúp cho giải thích: Nếu các phàm phu này chưa cầu Tiểu thừa, thì liền cầu Đại thừa, chỉ là tánh bất định cũng gọi là tiệm ngộ, vì chắc chắn không thể nào thường hướng đến, nhất định lui sụt giữa chừng. Nếu nói không nghe nói về Nhất thừa tức có thể có lui sụt, nghe nói về Nhất thừa thì tất nhiên không lui sụt, các bậc như Xá-lợi-phất cũng đã từng nghe nói về diệu pháp Nhất thừa, làm thế nào có lui sụt? Vì vậy cho nên biết chỉ có chủng tánh Tiểu thừa gọi là lui sụt giữ lấy Tiểu quả, đạt được quả Thánh mới hồi tâm bắt đầu thành tựu không còn lui sụt do đó gọi là tiệm ngộ. Nếu có các thứ cõi giới, tuy có Tiểu tánh mà có thể có không còn lui sụt. Rốt cuộc là chủng loại kia vì có một phần hạt giống Tiểu thừa thành ra nói là tiệm ngộ cũng gọi là tiệm ngộ, vì tánh bất định này.

Hỏi: Đã vì dứt nghi mà giảng nói Diệu pháp này, vì sao nghe xong lại càng phát sanh nghi ngờ?

Đáp: Nghi ngờ có mới cũ. Trước đây nghi rằng không được thành Phật cho nên chưa hồi tâm, nói xưa kia chẳng phải chân thật đều sẽ thành Phật, ban đầu nghe những gì Đức Phật nói, trong tâm rất kính sợ, nên kinh chép: “Phải chăng ma giả Phật, làm não loạn lòng ta?” Cho

đến “con nghe lưới nghi dứt” vì thế dứt trừ nghi hoặc, nói đó đã là quyết định sanh, tức là thời gian đời này và một phen ngồi thuận theo quyết trạch ấy là ngang bằng. Tạp tập thứ mười ba nói: Bồ-đặc-già-la chưa đủ tư lương nay đã đủ, Bồ-đặc-già-la chưa đủ tư lương, Bồ-đặc-già-la đã đủ tư lương. Cho đến nói ba thứ Bồ-đặc-già-la như thế do thành tựu thuận phần giải thoát, thuận phần quyết trạch phân đều làm ba phẩm. Căn cứ ở năng dẫn sanh thuận phần quyết trạch và để hiện quán như thứ lớp đó tức là chưa quyết định sự sanh này. Đối với đế tăng thượng, tướng tịnh tín thắng giải pháp là thuận phần giải thoát, ở nơi pháp này quán sát rõ tướng Pháp, Nhân là thuận phần quyết trạch. Như thứ lớp đó tín tăng thượng nên Tuệ tăng thượng. Ba phẩm trong này thuận theo quyết trạch phần ấy là trừ ra Pháp Thế đệ nhất. Vì tánh của Pháp Thế đệ nhất chỉ là một sát-na chắc chắn không thể nối tiếp, tức là thời gian sự sanh này chắc chắn nhập hiện quán, chẳng phải địa vị trước. Ý văn trước nói lên trong hai địa vị Tư lương - Gia hạnh đều có ba phẩm, như thứ lớp đó, chưa quyết định đã quyết định tức là thời gian sự sanh này. Nhưng địa vị Gia hạnh phân làm ba phẩm, chưa quyết định, đã quyết định chính là thời gian sự sanh này thuộc về Noãn, Đảnh, Nhân, trừ ra Pháp Thế đệ nhất, Pháp Thế đệ nhất chỉ là một sát-na chắc chắn không thể nối tiếp không thể phân chia, nhưng nói thời gian sự sanh này quyết định đi vào hiện quán, đây là nói theo sát-na đời kiếp. Nói về phần giải thoát ở trước, đây chính là thời gian sự sanh ước định một kỳ hạn đời kiếp. Lại hiểu đều là nói theo một kỳ hạn đời kiếp. Dùng Pháp Thế đệ nhất nói tức là thời gian đời kiếp này, đã trừ Pháp Thế đệ nhất rõ ràng ước định một kỳ hạn, mặc dù Nhân tăng thượng cũng là một sát-na mà còn cách xa Pháp Thế đệ nhất, chẳng phải ngay sát-na này sanh vô gián nhập kiến đạo.

Lại, chia chung ra ba vị Noãn-Đảnh-Nhân, làm ba thời nên căn cứ thuận phần quyết trạch, lại có sáu loại: 1. Thuận theo thuận phần quyết trạch. 2. Thắng tiến. 3. Thông đạt. 4. Dư chuyển. 5. Nhất sanh. 6. Nhất tọa. Loại đầu duyên theo đế cảnh thực hành gốc lành ở hạ phẩm, gọi là Thuận theo thuận phần quyết trạch, gốc lành này liền chuyển thành trung phẩm, gọi là Thắng tiến thuận phần quyết trạch, vì so với hạ phẩm trước là tăng thêm, gốc lành này liền lại tăng lên đến thượng phẩm, ở trong đời này quyết định có thể có khả năng thông đạt đế lý, gọi là Thông đạt thuận phần quyết trạch. Ba thứ trước ở vị Noãn-Đảnh-Nhân, nếu theo Tiểu thừa thì có thể như thứ lớp kết hợp với chưa quyết định thời gian sự sanh này. Nếu là Đại thừa, ở trung phẩm Nhân vị mới

gọi là chính thời gian của sự sanh này, hoặc khi ở địa vị Hạ phẩm, Trung phẩm Nhẫn chưa viên mãn thì hãy còn nhiều sự sanh nữa. Hoặc vị Nhị thừa, tuy ngay đời này mà có thể có sự hồi chuyển hưởng khác gọi là Dư chuyển thuận phần quyết trạch. Hoặc còn chuyển sự sanh này kế sanh khác tức là bất định, vì câu Độc Giác vô thượng Bồ-đề lại phải tu thắng hạnh nhiều đời. Nếu ở Đại thừa thuận phần quyết trạch thì chắc chắn không hồi tâm hưởng xuống các thừa dưới, hưởng chỉ một đời cùng lấy Trú thứ bảy sớm gọi là Bất thoái. Quyết trạch phần này đang hồi hưởng tu tập. Dựa trên tiêu chuẩn này, nếu thuận theo giải thoát vượt quá Trú thứ bảy thì chưa quyết định, đã quyết định đều không có chuyển hưởng khác. Chuyển hưởng khác và lời nói ở trước vì từ phẩm hạ, phẩm trung thuận phần giải thoát thuận phần quyết trạch có nghĩa có thể lui sụt ấy là nói theo địa vị Nhị thừa. Nếu ở đời này chắc chắn có khả năng thông đạt, đó gọi là một đời thuận phần quyết trạch. Trước đây nói thông đạt, là nói theo công năng của địa vị Nhị thừa, nhưng tánh bất định tức là không quyết định, quyết định lựa chọn chuyển hưởng khác chỉ riêng tánh bất định, Nhất sanh thuận phần quyết trạch là căn cứ theo tánh quyết định, đều hưởng về thừa của mình, hoặc cũng chung cả tánh bất định. Căn cứ ở không hồi tâm tức là suốt đời nhập phần quyết trạch chẳng phải tánh bất định; trước Kiến đạo đều có thể hồi tâm. Hễ ngỗ thì cũng thông suốt tánh bất định, tức bậc trung nhẫn-thượng nhẫn. Văn trước đã trừ ra Pháp Thế đệ nhất, vì chỉ có một sát-na.

Ba thứ rèn luyện tâm dứt trừ bốn chỗ chướng ngại, trong Nhiếp luận của Vô Tánh thứ sáu chép: “Đã nói tướng sở tri thâm nhập tướng sở tri, vì sao phải thấy học rộng huân tập để dựa vào mà chẳng thuộc về A-lại-da thức? Ý này ngầm nói vốn có hạt giống vô lậu nhưng vì dựa theo nên nói chẳng thuộc về A-lại-da. Kế là hỏi ai có thể ngộ nhập tức hỏi về người năng nhập, nghĩa là Đại thừa học rộng tiếp tục luyện tập nói tiếp lẫn nhau rồi, được kính thờ vô lượng Chư Phật xuất hiện ở thế gian rồi được hoàn toàn quyết định thắng giải rồi khéo chứa nhóm tập hợp các gốc lành, khéo đầy đủ phước trí tư lương Bồ-tát, đây trả lời người năng nhập là căn cứ ở khởi hiện hành học rộng tiếp tục luyện tập đầy đủ hai tư lương. Chỗ nào năng nhập? Đây là hỏi về cảnh sở nhập và vị năng nhập. Nghĩa là ở hành giả kia có kiến giải ý nghĩa pháp tướng tợ, chỗ danh ngôn Đại thừa pháp tướng sanh khởi các nghĩa pháp tướng tợ Thắng giải hạnh địa v.v... tức pháp sở nhập, chỗ sanh trong Thắng giải hạnh địa, Kiến đạo, Tu đạo và Rốt ráo đạo. Để trả lời vị năng nhập tức ở bốn vị nói trên tùy nghe thắng giải, như lý thông đạt, trị tất cả

chương, lia tất cả chương, như thứ lớp bốn đạo mà năng nhập có khác.

Luận chép: “Do đâu mà năng nhập? Do năng lực gốc lành đảm nhiệm giữ gìn nghĩa là ba thứ rèn luyện tâm, trừ bỏ bốn nơi giải-pháp- nghĩa-cảnh, chỉ quán thường chu đáo coi trọng gia hạnh không có buông lung”. Giải thích rằng: “Do đâu mà năng nhập? Đây là hỏi về nhân của nhập. Nghĩa là do nhân gì tức là do năng lực gốc lành đảm nhiệm giữ gìn. Tuy có năng lực gốc lành mà tâm hoặc lui sụt, chịu khuất phục, do đó nói là ba cách rèn luyện tâm”. Ba sử rèn luyện ấy là vô lượng các thế giới-vô lượng con người một đời hữu tình từng sát-na từng sát-na chứng đạt giác ngộ chánh đẳng Bồ-đề vô thượng, đây là thứ nhất. Do đây, ý ưa thích năng thực hành các pháp thí, mình đã thu được ý vui thích như vậy, mình từ đó sử dụng chút ít công sức tu tập các pháp thì sẽ được viên mãn, đây thứ hai. Nếu có thành tựu các thiện có chương khi chết liền tự thể của tất cả các pháp đáng yêu viên mãn mà sanh, Ta có thiện mẫu nhiệm, không chương ngại, làm sao nói lúc ấy không đáng đạt được tất cả viên mãn! Đây thứ ba. Giải thích rằng: vô lượng các thế giới... là chỉ rõ lúc đầu luyện tập dẫn nêu người khác làm gương cho mình, khiến cho tâm tăng mạnh mẽ không lui sụt, chịu khuất phục.

Do đây, ưa thích chỉ rõ luyện tập bước hai. nếu có những thành tựu là chỉ rõ phước luyện tập tâm thứ ba. Mở rộng như cách giải thích kia, luận chép: Do lia tác ý Thanh-văn-Độc giác mà dứt trừ tác ý, do các nghi đối với Đại thừa mà lia nghi, để có thể dứt hẳn nghi đối với dị tuệ, bởi lia các ngã, ngã sơ chấp pháp đã nghe, suy nghĩ để dứt pháp chấp, do điện tiền hiện trú an lập trong tất cả tướng, mà không còn tạo tác, ý không còn phân biệt, để dứt phân biệt. Giải thích rằng: Dứt trừ tác ý là dứt trừ phân biệt tác ý của Nhị thừa. Ý này giải thích rằng sở dĩ lia bỏ tác ý Thanh-văn, Độc giác vì là năng đoạn. Không khởi hướng về chấp tâm Nhị thừa. Giải thích rằng: Để có thể dứt hẳn nghi ngờ, dị tuệ nghĩa là đối với giáo Đại thừa sâu xa rộng lớn không phải phát tuệ khác nhau điên đảo cho đến nghi ngờ. Ý này giải thích rằng: Do các nghi ngờ Đại thừa, lia nghi là vì đoạn nghi. Các nghi ngờ là đối với ba tạng hiển mật đức Phật nói ra các thứ không như nhau mà khởi lên nghi ngờ gọi là các nghi ngờ. Nói lia bỏ nghi là có thể dứt hẳn. Dứt trừ pháp chấp, nghĩa là trong pháp vốn nghe vốn suy nghĩ ấy, có thể dứt trừ hẳn, chấp trước về ngã và ngã sở là chấp ngã năng nghe, năng tư duy, giác ngộ điều đã nghe thấy, nghĩa đã suy nghĩ, các chấp trước như thế, tất cả đều không có, đối với thắng nghĩa đó chứng đặc hiện quán. Ý này giải thích rằng: Sao không có chấp này, vì đối với thắng nghĩa chứng đạt được hiện

quán, dứt trừ pháp chấp, là căn cứ ở không chấp vào những gì đã nghe và suy nghĩ, sao nói dứt pháp chấp! Pháp đã không còn, thì ngã chấp cũng dứt, không khởi chấp Ta năng nghe, suy nghĩ... giác ngộ. Thứ tư cũng là lia bỏ các pháp chấp. Nói bảy địa-bốn hạnh Bồ-tát ấy là - Bảy Địa: 1. Chủng tánh Địa, tức là chủng tánh trú ở địa vị chưa phát tâm. 2. Thắng giải hạnh Địa, tức là thắng hạnh trú vị phát tâm trở đi tức ở Địa vị tiền. 3. Tăng thượng ý lạc Địa tức là vô cùng hỷ lạc trú tại sơ Địa. 4. Chánh hạnh Địa, tức là tăng thượng đối với trú, tăng thượng tâm trụ giác phần tương ứng tăng thượng tuệ trú, để phần tương ứng tăng thượng tuệ trú, duyên khởi tương ứng tăng thượng tuệ trú, có gia hạnh, công dụng vô tướng trú. Tóm lại sáu Trú này gọi là Chánh hạnh Địa, như dưới đây từ địa Ly Cấu cho đến Viên Hành Địa. 5. Quyết định Địa, tức là không có gia hạnh, không có công dụng trụ tức ở Bát địa, có ba thứ quyết định: Một là Quyết định chủng tánh. Hai là Quyết định phát tâm, Ba là Quyết định thực hành không luống dối. 6. Địa thứ tám này tùy vào loại quyết định thứ ba. vì vậy gọi là Quyết định hạnh địa, tức là vô ngại giải trú, Cửu địa. 7. Lệ rốt ráo Địa, tức là cao nhất thành tựu đầy đủ Bồ-tát trú, và Như-lai trú, ở Địa thứ mười và ở Phật địa. Địa thứ mười cùng với rốt ráo Phật địa, nên quả là rốt ráo.

Bốn hạnh: 1. Bồ-tát phần pháp hạnh. 2. Thần thông hạnh. 3. Ba-la-mật đa hạnh. 4. Thành tựu hữu tình hạnh. Nhân phát khởi có hai: Chung và riêng chung là bởi nối liền các giáo khác. Riêng là khác nhau thuộc về một kinh. Chung có nhiều nghĩa, có khi là một, nhân khởi nói ra các pháp, tức là trong kinh Vô Lượng Nghĩa chép: “Pháp vô lượng ấy là bởi chúng sanh tánh ham muốn vô lượng, nên pháp đã nói ra đó cũng là vô lượng”. Đây chỉ nói chúng sanh làm nhân khởi nói. Lại, một nhân như, trong Kinh Pháp Hoa chép: “Vì chúng sanh này mà khởi lên tâm đại bi”. Đây chính là nói Đức Phật vì đại bi cho nên khởi lên nói kinh. Có khi làm hai nhân, tức là chung hai nhân trước. Trong Duy Thức quyển hai mươi chép: “Xoay chuyển năng lực tăng thượng, hai thức thành quyết định”. Lại có hai nhân, bài tụng trong kinh Pháp Hoa chép: “Các thứ nhân duyên ấy, vô lượng thí dụ soi sáng Phật pháp khai ngộ cho chúng sanh”: Đây chính là hai loại nhân vì pháp vì người. Lại có ba nhân, tức là trong kinh Bát-nhã nói: “Làm sao trú? Làm sao tu hành? Làm sao hàng phục tâm đó?” Tuy chỉ ước định phát khởi hướng về Đại thừa để hỏi chứng cứ thật, mà ba thừa đều như vậy, chọn hai thừa còn lại nói hướng về Đại thừa, tức là ba nhân. 1. Khiến cho phát tâm. 2. Khiến cho tu hành. 3. Khiến cho dứt trừ chướng ngại, tức là như thứ lớp

hỏi khiến cho xem xét lại đạo, để thành thực đạo, để không mất đạo. Đây là nói theo sự tu hành lần lượt. Lại có bốn nhân, tức là trong Pháp Hoa quyển ba chép: “Người chưa độ làm cho được độ, người chưa hiểu làm cho hiểu, người chưa an làm cho an, người chưa Niết-bàn khiến cho được Niết-bàn”. Tức là khiến cho chúng sanh nào chưa lìa khổ thì làm cho lìa khổ, người chưa được vui thì làm cho vui, người chưa thể phát tâm dứt ác tu thiện thì khiến cho dễ phát tâm dứt ác tu thiện, người chưa đạt được quả thì khiến cho đạt được quả. Đây là dựa vào hoàng nguyện hóa độ chúng sanh theo thứ lớp. Lại có năm nhân, ngay trong kinh Tư Ích quyển hai chép: “Nếu người có thể đối với văn tự ngôn nói chương cú mà Như-lai đã nói ra thông đạt thuận theo”, cho đến nói: “Có thể biết Như-lai đã nói pháp nói gì, vì pháp gì tùy nghi nói, vì phương tiện gì nói vì pháp môn gì nói, vì đại bi nào nói. Phạm thiên! Nếu Bồ-tát có thể biết Như-lai, dùng năm lực này nói thì Bồ-tát đã có khả năng thành Phật sự”. Đã nói ra pháp gì tức là nói ra các pháp uẩn - xứ - giới - sanh tử - Niết-bàn - thế gian - xuất thế gian trong ba đời, tức nói về pháp thể. Vì sao tùy nghi nói tức là tùy theo căn cơ thích hợp, hoặc thanh tịnh nói không thanh tịnh, ngã nói là vô ngã... Hoặc nói biểu hiện rõ ràng, hoặc nói kín đáo bí mật. Vì phương tiện gì là, hoặc để khiến cho lìa khổ, hoặc để khiến cho được vui, chỉ ra các giáo lợi ích vui mừng đều ở nơi pháp vô ngôn nói mà phương tiện nói ra. Vì pháp môn nào: Nghĩa là đối với một pháp, các môn biện nói. Vì đại bi nào là nhân khởi bốn lực kia. Lực đầu, hai và bốn nói pháp Phật nói, Lực thứ ba chung cả năng thuyết sở thuyết, thứ năm là nhân năng khởi tức là ba năng lực đầu, thứ hai và bốn vì nói. Lực thứ ba do có phương tiện nên có thể nói. Thứ năm do có đại bi nên có thể vì chúng sanh khởi phương tiện nói các pháp kia. Đại bi thì có bốn thứ mười loại, hai loại, như nói các pháp vô ngã, nhưng các chúng sanh không thể tin, không thể hiểu, Như-lai đối với hạng này mà phát khởi các thứ đại bi; tức là tùy theo chúng sanh kia ở cảnh giới không thể hiểu, mê muội chìm trong sanh tử không thể nào thoát ra cho nên phát khởi đại bi. Tùy theo sự không tỉnh ngộ kia nên tâm thương xót phát khởi mà nói ra, chính chúng sanh là năng cảm, đại bi của Như-lai là sở cảm. Tóm lược chính là hai duyên, mở rộng thì có năm loại, rộng ra tức là vô lượng, cũng giống như Du-già đầu nhiếp giải thích phân biệt nói, kể đến sẽ nói. Lại có sáu nhân, theo đúng Luận Bát-nhã của Bồ-tát Vô Trước giải thích: “Tu Bồ-đề thưa hỏi ý có sáu, Đức Phật vì trả lời cũng tức là có sáu ý”. Luận chép: “Vì sao Thượng tọa Tu Bồ-đề thưa hỏi vậy? Trả lời có sáu nhân duyên: Là vì dứt trừ nghi ngờ, để phát

khởi niềm tin, để thâm nhập, để không còn lui sụt, để sanh hoan hỷ, để chánh pháp trụ lâu. Tức là nêu có người nghi thì được dứt trừ nghi. Nếu đã dứt trừ nghi, có vui thích phước đức mà tâm chưa thành thực, các Bồ-tát đều nghe nhiều phước đức ở Kinh Bát-nhã phát khởi sự tin hiểu. Người tâm đã thành thực thì thâm nhập nghĩa rất sâu xa, người có đức đã không thể coi thường từ đó ham muốn thọ trì tu hành có nhiều công đức nên không còn lui sụt. Người đã được thuận thâu nhiếp đạt đến tịnh tâm đối với pháp tự thâm nhập và kiến giải nên sanh ra vui mừng, người có thể khiến cho vị lai giáo pháp Đại thừa trụ lâu vì vậy chẵn chẵn phù hợp suy nghĩ về Pháp Hoa từ trên xuống dưới”.

Lại có tám nhân, theo Pháp Hoa quyển thứ nhất Văn Thù Sư Lợi trả lời thành tựu văn về tám nghĩa lớn, do đây theo đúng nghĩa mà phù hợp văn. Nếu theo Du-già tám mươi một thâu nhiếp giải thích phân biệt, thì quy tắc giải thích kinh, trước giải thích thể của kinh kế là khởi giải thích văn, nghĩa, pháp, kế giải thích theo thứ lớp trong đó giải thích nghĩa có nhiều. Thứ tư y xứ và nêu ra chung đều làm nhân để phát khởi nói... Luận kia nói: Như đã nói trên, hoặc sự hoặc thời, hoặc Bồ-đặc-già-la nên Chư Phật Thế tôn truyền bá Thánh giáo, vì thế cho nên nói đó gọi là Y xứ sự. Y xứ có ba:

Một: Căn bản sự y xứ có sáu: 1. Đường lành. 2. Ác khởi. 3. Thoái tụt. 4. Thắng tiến. 5. Sinh tử. 6. Niết-bàn. Sinh tử tức bốn thứ trước, Niết-bàn Dư và vô dư, trong đây có 3 cặp đối.

Hai: Đắc phương tiện y xứ có mười hai tức mười hai hạnh: 1. Dục hạnh. 2. Ly dục. 3. Thiện hạnh. 4. Bất thiện hạnh. 5. Khổ hạnh. 6. Phi khổ hạnh, 7. Thuận thoái phần hạnh. 8. Thuận tiến phần hạnh. 9. Tập nhiễm hành hạnh. 10. Thanh tịnh hạnh. 11. Tự lợi nghĩa hạnh. 12. Lợi tha nghĩa hạnh, trong đây có sáu cặp đối nhau.

Ba: Dựa vào bi mẫn tha sự y xứ có năm: 1. Khiến là A-dục tức là vì đó nói tai họa sanh tử. 2. Thị hiện tức vì chỉ rõ bốn thứ đạo lý, gọi là pháp nhĩ, nhân duyên, chứng thành, tác dụng bốn đạo lý. 3. Giáo hóa dẫn dắt tức là người chưa phát tâm thì dạy bảo khuyên nhủ truyền trao khiến cho phát tâm tu hành chánh hạnh. 4. Khen ngợi động viên ấy là thấy người lui sụt thì khen ngợi khuyến khích làm cho tiến lên. 5. Chúc mừng thấy có khả năng tăng tiến tu tập không còn lui sụt mà tùy theo họ chúc mừng vui thích. Thời y xứ tức là y xứ của Bồ-đặc-già-la ở ba đời chính là hai mươi bảy loại Bồ-đặc-già-la, cũng thu nhiếp cả thời y xứ và căn bản y xứ trong năm lực của Như-lai ở kinh Tư Ích. Tức kinh ấy nói vì sao phải nói pháp là thâu nhiếp Luận đây nói đắc phương tiện y xứ.

Kia nói vì sao Phật tùy nghi nói pháp, vì phương tiện gì vì pháp môn gì thâm nhiếp, hoặc đại bi và phương tiện gì là thâm nhiếp Luận này nói Bi môn y xứ tức là khiến lìa các dục... làm phương tiện năng khởi năm thứ y xứ này. Đại bi Bồ-đặc-già-la y xứ cũng thuộc về năng lực đại bi. Cho nên, Luận Du-già ước định ở năng bi, sở bi mà phân ra riêng khác, Kinh Tư Ích y cứ vào nhân phát khởi của bi cũng thuộc về đại bi, vì vậy Kinh ấy nói: “Hoặc nói các pháp vô ngã nhưng các chúng sanh không thể tin, không thể hiểu, Như-lai ở đây mà phát khởi đại bi”. Đây là biểu hiện Chư Phật trải tâm từ bi, vì các loài hữu tình dựa vào đường thiện, đường ác, cho đến tự tha lợi hành, tùy theo những thích ứng đó khiến cho biết sai lầm và công đức để chán khổ ưa tu tập dứt trừ, và vì được chứng nên khiến lìa-dục mà chỉ bảo, khen ngợi, chúc mừng v.v... ở trong văn kinh tùy theo nghĩa suy nghĩ mà kết hợp, sợ rườm rà nên không nêu ra đây.

Nhân riêng là dựa theo Luận Trí Độ thuận theo trong kinh mà nói, đây là ý phát khởi, ý nhân nơi thỉnh. So sánh tương tự đều như vậy. Nay lại phân rõ nhất khởi ý trong kinh nói chung có mười môn, nói riêng có năm mươi hai: Một là vì hiển rõ Nhất thừa nên nói kinh này có bốn thứ: 1. Duy nhất vì hiển rõ Nhất thừa cho nên nói kinh này. Vì thế phẩm thứ hai nói: “Nay kinh này (Pháp Hoa) chỉ nói về nhất thừa...” 2. Vì hiển rõ đại tuệ bình đẳng của Phật nên Đức Đa-bảo khen ngợi: Phật Thích Ca năng dùng đại tuệ bình đẳng... 3. Vì hiển rõ Thể chân như chỉ có một tướng cho nên nói kinh này, vì vậy phẩm thứ ba chép: “Như-lai biết những gì là một tướng một vị này...” Ba thứ trước khiến cho ngộ. 4. Hiển rõ tất cả sắc thân ba thời cho nên nói phần kinh này. Vui mừng thấy các Bồ-tát được hiện rõ tất cả sắc thân Tam-muội. Lại có nhiều loại nhất, nay sơ lược nêu lên bốn thứ này.

Một loại này lược trình bày nhân khiến cho tu tập.

Hai là hiển rõ hai loại có bảy:

1. Để hiển rõ hai loại tối thắng giáo, lý nên nói kinh này. Vì thế văn dưới nói: “Trí tuệ Chư Phật sâu xa vô lượng, trí tuệ đó khó hiểu được, khó thâm nhập”. Luận giải thích rằng nghĩa là chứng rất sâu và giáo rất sâu, còn hai nghĩa Hoa sen cũng thuộc về môn này thâm nhiếp khiến cho muốn nghe.

2. Hiển rõ hai môn nhân quả, Luận này nói từ đây về sau trình bày hai tướng nhân quả khiến cho ưa thích tu tập vì thế nói kinh này.

3. Hiển rõ hai thừa quyền thật, văn sau nói: Chỉ dùng một Phật thừa cho nên vì chúng sanh mà nói pháp, không có thừa khác hoặc là hai hoặc là ba. Lại nói: Chỉ một sự thật này, hai khác thì chẳng phải

chân thật vì cùng khiến cho lấy bỏ.

4. Hiển rõ hai thân chân, và hóa, phẩm Thọ lượng nói: “Mọi người đều cho rằng Ta sinh ra trong cung giống họ Thích, Ta thật sự thành Phật đến nay đã trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp...” khiến cho biết rõ chân thân và hóa thân.

5. Hiển rõ hai hạnh tổn và ích, vì thế trong phẩm Bất Khinh chép: “Như xưa nay đã nói về người cúng dường đó, như trước đã nói về người chê bai kia v.v... khiến cho ngăn ngừa tu tập”.

6. Hiển rõ khuyến khích bỏ cõi uế trước sanh về cõi thanh tịnh, như phẩm Được vương Bồ-tát Bồn Sự, khiến cho xa lìa điều ác gần gũi điều lành.

7. Khiến cho chán ngán xuống thấp vui thích lên cao, như phẩm thứ bảy chép: “Sẽ sanh lên cõi trời Đao Lợi...”, do đó khiến cho lìa bỏ sợ hãi hưởng về thân cận.

Ba là hiển rõ tu ba thứ, có bảy phần: 1. Hiển rõ Tam bảo. Kinh chép: “Lại thấy chư Phật hiện tại ở cõi kia, nghe kinh pháp Chư Phật nói ra, cùng gặp gỡ các vị tỳ kheo kia...”. Lại phẩm thứ hai nói: “Lại nếu có thể tin vào những gì ông đã nói, chính là thấy ta và tỳ kheo Tăng cùng các vị Bồ-tát...”.

Luận chép: 1. Phật và đệ tử khác nhau, là chỉ rõ thấy Tam Bảo, khiến cho phát khởi niềm tin vui mừng. 2. Hiển rõ ba thừa sai biệt, nghĩa là Tỳ kheo cùng bốn chúng cho đến thấy Bồ-tát nhiều loại nhân duyên là mong cầu Phật đạo. Luận lại nói là Thừa sai biệt khiến cho biết rõ hơn kém. 3. Hiển rõ ba luân hóa hiện của Đức Thế tôn. Nhập định là hiển bày Ký tâm luân, phát ra ánh sáng đều là hiển bày Thần cảnh luân, nói pháp là hiển bày Giáo giới luân, khiến cho biết rõ người tối thắng mà phát khởi tôn trọng. 4. Hiển rõ hiểu ra và biết được ba tánh. Kinh chép: “Chư Phật bậc Lương túc, biết pháp thường vô tánh, hạt giống Phật duyên khởi, vì vậy nói Nhất thừa, pháp ấy trụ ngôi pháp”, khiến cho hiểu rõ ba tánh thông suốt sở tri. 5. Hiển rõ ba thắng hạnh. Kinh chép: “Vào nhà Như-lai khoác áo Như-lai, ngồi tòa Như-lai...” là để hiển bày thắng hạnh khiến cho tu học. 6. Hiển rõ ba thứ bình đẳng, một là trao cho hàng Thanh-văn sẽ được thọ ký thành Phật, hai là Phật Đa-bảo Niết-bàn rồi trở lại, ba là hiện rõ một Đức Phật thâm nhiếp tất cả các Đức Phật. Vì thế luận nói để loại trừ ba thứ nhiễm trước không còn phiền não, Tam-muội kiến v.v... nhiễm mạn nên nói ba thứ bình đẳng. Ba thứ nhiễm mạn: Một: Tin nhiều loại Thừa sai khác. Hai: Tin thế gian và Niết-bàn khác nhau. Ba: Tin thân này thân kia khác

nhau, khiến cho chứng đạt chân lý thâm nhiếp tự tha. 7. Hiển rõ Tam-muội tam Bồ-đề của Đức Phật, phần sau kinh đều cho rằng Như-lai sanh ra trong cung họ Thích là nói lên hóa thân, ta thật sự thành Phật đến nay rất là lâu xa nói lên Báo thân. Tri kiến như thật về ba cõi của Như-lai là hiển bày pháp thân cho nên Luận chép: Tám điều thị hiện thành tựu đại Bồ-đề vô thượng ấy là thị hiện ba thứ Bồ-đề của Phật... khiến cho nhận thức được chân hóa mà cầu chứng đạt.

Bốn là nói lên khiến cho tu bốn thứ, có bảy phần: 1. Nói lên Như-lai có bốn thứ nói về Nhân, Luận cũng nói là bốn thứ thành tựu:

1. Xưa thành tựu tức là các thứ phương tiện.
2. Giáo hóa thành tựu tức là các thứ tri kiến.
3. Công đức cuối cùng thành tựu chính là các thứ niệm quán.
4. Nói thành tựu tức là các thứ ngôn từ.

1. Khiến cho biết rõ hai sự thù thắng để phát khởi khát khao kính mến. 2. Nói lên sự khai, thị, ngộ, nhập bốn việc, để khiến cho quả mà hành nhân. 3. Hiển bày bốn hạnh Bồ-đề. Kinh chép: Đối với pháp Bồ-tát du hý thần thông làm thanh tịnh cõi nước Phật, thành tựu chúng sanh khiến cho tu tập thắng hạnh. 4. Nói lên bốn hạnh an vui, tức là phẩm An Lạc Hạnh:

1. Chánh thân hạnh. 2. Chánh ngữ hạnh. 3. Ý xa lìa các điều ác tự lợi hạnh. 4. Tu tất cả các điều thiện lợi tha hạnh, để khiến cho hoằng pháp lợi sanh học hỏi cái đúng trừ bỏ điều sai. 5. Hiển bày bốn thứ thắng lực của Như-lai, phẩm Dũng Xuất chép: “Như-lai nay muốn phát khởi tuyên bày lực trí tuệ của Chư Phật - lực thần thông tự tại của Chư Phật - năng lực sư tử phần tấn của Chư Phật - lực uy mãnh đại thế của Chư Phật, khiến cho biết rõ sự thù thắng đã nói ra” 6. Hiển bày bốn loại tất cả của Như-lai, phẩm Thần lực nói: Tất cả các pháp vốn có của Như-lai, tất cả lực tự tại của Như-lai, tất cả kho tàng công đức bí mật của Như-lai, tất cả sự việc rất sâu xa của Như-lai. Bốn thứ tất cả lấy khiến cho biết khả năng thuyên giáo thù thắng của Như-lai. 7. Hiển bày bốn pháp tánh thành tựu đời vị lai được nghe kinh này, phẩm Phổ Hiền chép: “1. Được Chư Phật hộ niệm. 2. Trồng cội gốc các công đức. 3. Nhập chánh định. 4. Phát khởi tâm cứu giúp tất cả chúng sanh”, khiến cho biết rõ pháp cao quý khó nghe phải tu tập hạnh thù thắng mới được nghe.

Năm là trình bày năm loại có bảy phần: 1. Nói lên trí tuệ có năm điều rất sâu xa, Luận giải thích rằng: Trí tuệ có năm điều rất sâu xa: 1. Nghĩa. 2. Thể. 3. Nội chứng. 4. Y chỉ. 5. Vô thượng sâu xa, khiến cho sanh ra vui mừng chứng đạt. 2. Nói lên giáo môn có năm loại khó,

Luận nêu lại kinh rằng: Môn trí tuệ đó khó thấy, khó giác ngộ, khó hiểu biết, khó giải thích, khó thâm nhập, khiến cho phát sanh tìm cầu, mong muốn nghe. 3. Nói lên năm thứ vẫn đục. Kinh chép: Như gọi là kiếp trước..., khiến sanh ra chán ngán, rời xa hiển rõ tâm đại bi của Đức Phật. 4. Nói lên năm điều kém không vì nói Nhất thừa. Phẩm Phương tiện chép: “Hàng độn căn ưa pháp nhỏ, tham lam mê đắm sanh tử, đối với vô lượng Chư Phật không thực hành đạo lý sâu xa tuyệt vời, các khổ não loạn, vì vậy Phật nói Niết-bàn, khiến cho người xả bỏ sự xấu kém”. 5. Nói lên năm đức vì đó nói về Nhất thừa. Kinh chép: có Phật tử tâm thanh tịnh mê mông cũng là lợi căn hướng về vô lượng cõi nước Chư Phật mà thực hành đạo lý sâu xa tuyệt vời, khiến cho học hỏi ở người tốt đẹp. 6. Trình bày về năm thừa khiến cho biết rõ căn tánh, một cơn mưa thấm nhuần mà rất cả đều lớn lên. Luận nói vì người toàn tâm cầu Đại thừa tăng thượng mạn cho rằng không có Thừa khác, khiến cho biết rõ các thứ Thừa khác nhau. Nói thí dụ mưa khiến cho biết được căn tánh tùy nghi mà giáo hóa. 7. Hiển bày năm duyên rõ ràng mới nói về một sự thật, phẩm Hóa Thành chép: “Tự biết đến lúc Niết-bàn, chúng lại thanh tịnh tin giải kiên cố, thông suốt rõ ràng pháp không và đi sâu vào thiên định, khiến cho biết pháp khó nghe đâu cần căn có thành thực?”

Sáu là: Nói lên trong sáu loại có sáu phần:

1. Thị hiện sáu thứ rung chuyển, vì khiến cho đại chúng kinh hãi thức tỉnh.

2. Hiện ra sáu đường, vì khiến cho chúng nhàm chán sợ hãi. Kinh chép: “Nhìn thấy tất cả sáu đường chúng sanh nơi cõi kia”.

3. Nói lên thực hành sáu độ, khuyến khích khiến cho tu học, như tụng ở dưới chép:

4. Trình bày về sáu thọ ký:

Luận chép: 1. Chưa nghe khiến cho nghe. 2. Nói ra. 3. Dựa vào nghĩa nào. 4. Dựa vào khiến cho trú. 5. Dựa vào pháp. 6. Ngăn dứt, phối hợp với văn có thể biết, hiển bày chính hợp cơ nghi khiến cho lấy bỏ.

5. Hiển bày sáu căn trang nghiêm. Khuyến khiến cho giữ gìn, xem đọc, như phẩm Pháp Sư Công Đức nói rộng nên biết là khiến cho trì kinh.

6. Trình bày sáu thứ thọ ký khiến cho biết rõ quả địa lúc ấy phát khởi để tâm quyết định học gọi là biệt ký - đồng ký - hậu ký, vô oán ác ký, thông hành ký, cụ nhân ký, như luận đã phân biệt rộng.

Bảy là nói lên trong bảy loại có bốn: 1. Nói lên Đức Thế tôn đầy đủ bảy thứ thành tựu, có các thứ ngôn từ, khiến cho sanh khởi hỏi han

mong cầu: Tức là: Các thứ thành tựu, ngôn ngữ thành tựu, tướng, cảnh, Vô lượng chủng loại, giác thể, thuận theo chúng sanh tu hành mà nói thành tựu, phối hợp với kinh có thể biết, để khiến cho biết người thù thắng có đầy đủ đức biện giải. 2. Hiện bày bảy loại chúng sanh khởi lên bảy thứ mạn, vì thế khiến cho biết rõ sai lầm. 3. Để đối trị điều này nên nói ra bảy thí dụ khiến cho dứt trừ chướng nhiễm, như Luận biện giải đầy đủ. 4. Hiện bày trì kinh có đủ bảy đức, vì vậy khiến cho thực hành pháp. Phẩm Pháp Sư chép: Được Như-lai khốac y trùm cho, được Chư Phật hiện tại nơi các phương khác nói Kinh Bồ-tát sở hộ niệm, có đại tín lực và chí nguyện lực cả các gốc lành lực, được ở chung chỗ với Như-lai, được tây Như-lai xoa đầu, vì thế khiến cho biết trì kinh trở thành người cao quý thực hành hiện bày kinh pháp nhiệm mầu.

Tám là hiện bày trong tám loại có bốn:

1. Nguyện giáo pháp đầy đủ tám thứ sâu xa.

Luận chép: Tám loại là: Đọc tụng, tu hành, quả hạnh, tâm thêm lớn công đức, sự vui thích nhiệm mầu, vô thượng sâu xa, thâm nhập rất sâu, và không chung sở đắc, gìn giữ của Thanh-văn, Bích Chi Phật. Phối hợp với văn có thể biết, vì khiến cho biết sự khác nhau và thù thắng hơn giáo Tiểu thừa.

2. Để khiến cho xa lìa tám thứ tà vạy như thế, Kinh chép: “Những người đức mỏng phước ít”. Lại nói: Không mong cầu Phật, thế lực đại thừa..., lại nói mình xưa mê đắm vào tà kiến, vì khiến cho biết rõ tà chánh.

3. Khiến cho tu tập tám điều chánh, kinh chép: Thế tôn biết rõ tâm chúng con nên dứt trừ tà vạy mà nói về Niết-bàn, điều khiến cho biết công dụng thù thắng đạt được niềm vui xuất thế.

4. Khiến cho xa lìa tám nạn, Đề bà liền nói không đọa vào các địa ngục, do đó khiến cho biết rõ lợi ích thù thắng được trả quả báo ở thế gian.

Chín là nói lên chín bộ kinh vì hướng về Đại thừa nói ra, để khiến cho xả bỏ quyền, vì vậy kinh chép: “Chín bộ ba pháp của ta thuận theo chúng sanh mà nói, nhập Đại thừa làm gốc, cho nên nói kinh này”, khiến cho biết giáo pháp bán mãn của phương tiện.

Mười là nói lên mười lăm loại, có năm phần: 1. Nói lên Văn thù đạt được trí túc mạng thành tựu mười việc giống như hiện tại trước mắt, như Luận nói đầy đủ, đồng thời phối hợp với văn biểu hiện rõ, để hiện bày thầy trò đều thù thắng. 2. Nói lên giáo pháp có mười thắng diệu, Kinh chép: diễn nói chánh pháp ban đầu thiện giữa thiện, khiến sanh ra

vui thích luyện tập. 3. Nói lên Đại thừa có mười điều vô thượng, khiến cho biết kinh pháp cao quý, như văn phân biện đầy đủ đồng thời cùng phối hợp với văn. 4. Nói lên mười nghĩa nên nói Nhất thừa, biết Luận Nhiếp Đại thừa và Luận trang Nghiêm, khiến cho biết Đại thừa có bốn bí mật. 5. Nói lên kinh này có mười loại thù thắng:

1. Đưa ra sự việc nêu rõ thù thắng khó nghĩ bàn, lược nói sáu hạnh hiển bày đây là khó, như phẩm Hiện Bảo Tháp nói.

2. Loại thí dụ thù thắng khó nghĩ bàn. Sơ lược nêu ra mười thí dụ trình bày về kinh này như phẩm Dược Vương Bồ-tát nói: “Giống như tất cả khe suối sông ngòi trong các thứ nước thì biển là loại đứng đầu”.

3. Chứng nghiệm đức của hai chúng, trình bày chứng thật thì tháp Đa-bảo hiện ra, muốn mở ra nên hóa Phật đều đến, đây là chứng minh sự thù thắng, cung rồng dưới đất và trên các Chi đê, Phổ Hiền Diệu âm quay về bên cạnh tháp báu, còn Thanh-văn Bồ-tát đầy đủ công đức ấy tụ hội hưởng tối, bốn chúng long thiên vị trí tôn quý tể tự đồng đủ, làm thích chúng thù thắng.

4. Khả năng dứt trừ tám nạn thù thắng. Thành thật Luận giải thích bốn luân có thể phá bỏ tám nạn, trong kinh này nghe một lúc sanh ra niềm tin chính là có thể trừ bỏ tất cả, như phẩm Đề-bà-đạt-đa nói.

5. Sanh cõi trời gặp được Phật là cao quý, như phẩm Phổ Hiền nói.

6. Được trụ ở Tịnh độ thù thắng, tạm thời nghe một phẩm liền qua phương Tịnh, như phẩm Dược Vương nói.

7. Bồ-đề không lui sụt thù thắng, một lần nghe phát sanh tin tưởng Bồ-đề không lui sụt, như phẩm Phân Biệt Công Đức nói.

8. Làm ruộng phước thế gian thù thắng, trì kinh bốn câu có thể thọ nhận sự cúng dường thắng diệu của trời người, phước một kiếp khen ngợi Phật tuy vô biên nhưng phước một khi khen ngợi trì kinh lại vượt hơn kia, như phẩm Pháp Sư nói.

9. Được phước thù thắng khó suy nghĩ, trì đọc kinh này công đức không hạn lượng, như phẩm Dược Vương và phẩm Phân Biệt Công Đức nói.

10. Mau chóng được thành Phật thù thắng, như phẩm Đề-Bà và phẩm Bất Khinh nói, đầy đủ như hành nghi đã nói. Sơ lược nêu ra đại cương, trình bày mười môn này, sợ nhiều cho nên dừng ở đây. Trên đây là năm mươi hai duyên, kinh này vì thế phát khởi. Có Tụng rằng: “Một bốn, hai có bảy ba, bốn, năm đều bảy sáu sáu, bảy, tám bốn chín một, mười năm nên biết”.

Pháp sư Cát Tạng lược nêu ra mười nghĩa:

1. Nói về đạo Bồ-tát.
2. Nhận sự thừa thĩnh của Phạm Vương.
3. Hiển rõ ba trí quyền thật của Chư Phật ba đời.
4. Nói về ba tịnh.
5. Nói về pháp môn của ba căn.
6. Nói về ba thứ pháp môn.
7. Để dứt nghi.
8. Nói về Trung đạo.
9. Tăng thêm niệm Phật Tam-muội.

10. Vì chúng sinh ba đời như sự thật phân biệt hai phần tội, phước. Nay lược sắp xếp thứ nhất kia là nói về Bồ-tát đạo cho nên nói ra kinh này.

Hỏi: Bắt đầu từ hội Hoa Nghiêm cuối cùng đến trước Pháp Hoa, đã nhóm hợp các kinh Đại thừa, nói Bồ-tát hạnh, nay vì sao lại tiếp tục nói ra như vậy?

Đáp: Có hai loại Bồ-tát: Một là thẳng đến, hai là quay về. Nay hội tiểu nhập đại Bồ-tát cho nên nói kinh này.

Hỏi: Làm sao có thể biết, Kinh Hoa Nghiêm đều là thẳng đến, nay vì người hội Tiểu nhập Đại mà nói Pháp Hoa?

Đáp: Trong phẩm Dũng Xuất chép: “Các chúng sanh này mới thấy thân ta”, tức ở đạo tràng vắng lặng thấy Lô-xá-na nghe Ta nói, gọi là giáo Hoa Nghiêm. “Trừ những người trước đã tu tập học theo Tiểu thừa” biết trước kia không phải hạng hội Tiểu nhập Đại thừa. “Những người như vậy. Ta cũng khiến cho được nghe kinh này, thân nhập tuệ Phật”. Cho nên biết kinh Pháp Hoa vì người hội chuyển Tiểu thừa thâm nhập Đại thừa.

Hỏi: Vì sao trước vì hạng thẳng đến, sau vì hạng hội chuyển Tiểu thừa?

Đáp: Một là: Tu hành lâu xa gần kề sai khác, căn lanh lợi, chậm chạp khác nhau, hơn kém sai khác.

Hai là: Vì nhận lời thĩnh của những Phạm Vương nên nói kinh này.

Hỏi xưa kia các giáo như Bát-nhã đã trình bày do nhận lời thĩnh, khác nhau điều gì với bây giờ?

Đáp: Thừa thĩnh có hai lúc, báo đáp cũng hai loại. Đầu tiên thừa thĩnh một nói về pháp luân căn bản, nay nhận sự thừa thĩnh so với xưa là khác nhau. Như phẩm Phương tiện và Luận Trí Độ quyển đầu giải

thích.

Ba là: Muốn trình bày hai trí quyền thật của Chư Phật ba đời cùng giúp đỡ thành tựu cho nên nói kinh này, chẳng phải thật không thể hiển bày Quyền, chẳng phải Quyền không thể hiển bày Thật, Thật có công năng phát khởi Quyền, Quyền có dụng giúp đỡ Thật. Như Kinh chép: “Đối với một Phật thừa phân biệt nói thành ba” tức là từ Thật phát khởi Quyền. Ta thiết lập phương tiện này khiến cho được đi sâu vào tuệ Phật, tức dùng Quyền thông suốt Thật”. Người vâng thọ giáo pháp hoặc chấp Quyền mất Thật, xưa kia người chấp ba thừa không thể nào ngộ nhập đạo lý Nhất thừa, hoặc chấp Thật mất Quyền tức nghe nhất thừa của Pháp Hoa cho rằng không có ba thừa, nói về pháp có thể biết.

Bốn là: Muốn nói về pháp môn ba tịnh: bốn tánh chúng sanh chưa hề có nhớ, sạch, ở nơi chúng sanh điên đảo cho nên chấp thành nhớ sạch. Nhớ cấu nặng không thể trừ bỏ ngay. Phật và Bồ-tát dần dần xuất hiện để khai mở ba tịnh:

1. Dùng năm giới và mười thiện làm sạch ba đường.
2. Nói pháp Nhi thừa để làm sạch ba cõi.
3. Trình bày nhất thừa để làm sạch tam thừa.

Vì ba đường là khổ đau sâu nặng, ba cõi là khổ đau trung bình, Biến dịch sanh tử là khổ đau thấp nhất, vì thế nói về ba tịnh.

Năm là: Vì nói ba pháp môn thu nhiếp, bàn chung về Thánh giáo:

1. Thâu nhiếp tà trở về chánh môn.
2. Thâu nhiếp dị trở về đồng môn.
3. Thâu nhiếp nhân trở về quả môn.

Thâu nhiếp tà qui về chánh môn: Đức Thích Ca chưa xuất hiện gồm có hai tà: một là tại gia ngoại đạo khởi tâm ái chúng sinh, hai là xuất gia ngoại đạo khởi kiến giải chúng sinh, hoàn toàn trái với chánh đạo cho nên gọi là tà. Phẩm Phương Tiện chép: “vì nhân duyên các dục, rơi vào ba đường đạo”, tức là khởi lên niệm ái trôi lăn vào tà kiến, rừng rậm các kiến ngoại đạo, Như-lai xuất hiện ở đời thâu nhiếp hai tà kia trở về đường chánh của năm thừa. Trong hai loại này có hàng không nghe điều trái với pháp, để thành tựu trời người. Tánh ba thừa là ba tánh thuộc về ba pháp, thâu nhiếp hai tà kia trở về gọi là năm nẻo chánh. Thâu nhiếp vị trở về đồng môn: Nếu hạng huyên ngộ một đạo thì không cần tiếp tục nói ra loại độn căn, tuy xả bỏ hai tà nhưng lại chấp năm thừa khác nhau, nên nay thâu nhiếp năm thừa khác nhau trước đây cùng trở về Nhất thừa. Thâu nhiếp nhân trở về nơi quả: lia nhiếp năm quy

trở về một chỉ là nhân hành, muốn cho tu nhân để chứng đến cực quả, nói về Như-lai xứng hợp hai thân Chân - ứng là thâu nhiếp nhân trở về quả môn.

Sáu là: Muốn nói về ba pháp môn: 1. Pháp luân Căn bản. 2. Pháp luân Chi mật. 3. Nhiếp mật qui bốn pháp luân. Đức Phật lúc mới thành đạo vì các Bồ-tát nói căn bản pháp luân Hoa Nghiêm v.v... người phước mỏng căn chậm không thể nào nghe cho nên nói giáo pháp Nhị thừa là chi nhánh pháp luân. Hơn bốn mươi năm nói về ba sự bồi dưỡng luyện tập nay Pháp Hoa này mới có thể hội tụ trở về một thừa, tức thâu nhiếp nhánh trở về gốc.

Hỏi: Văn Kinh nói ở chỗ nào?

Đáp: Phẩm Tín Giải nói: “Từ xa thấy trưởng giả ngồi chễm chệ trên ghế sư tử, trưng bày khắp các vật báu”, tức là chỉ về Hoa Nghiêm làm căn bốn giáo. Gọi con không được nên thăm sai hai người; cởi bỏ y phục quý báu, cầm vật dụng hốt phân, mặc áo quần rách rưới, trú nơi lều cỏ tạm gọi là con, là chỉ mật giáo. Vì hội ngộ thân tộc nên tập hợp lại, giao cho gia tài, tức là thâu nhiếp nhánh trở về gốc.

Bảy là: Vì dứt nghi cho Thanh-văn Bồ-tát nên nói kinh này, như mới phân biệt, tuy có khác nhau đôi chút nhưng sơ lược không rõ ràng.

Tám là: Vì muốn nói pháp Trung đạo, nên nói kinh này.

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp: Hai châu nói pháp, ban đầu đều phát ra ánh sáng từ sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày, trên không từ đỉnh, dưới không từ chân, phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày là biểu thị hai châu thuyết pháp đều là Trung đạo. Châu đầu nói về một đạo thanh tịnh tức là Nhất thừa, châu thứ hai nói về một pháp thân thanh tịnh tức là thân chân thật.

Hỏi: Vì sao trình bày về Trung đạo?

Đáp: Xưa nói năm thừa, để chỉ rõ giáo pháp năm thừa, người theo thọ giáo pháp nghe năm thừa trước đây, bèn hiểu thành năm cách khác nhau, nên rơi vào chấp các bên. Người thọ theo giáo trời, người chấp bên sanh tử, người cầu giáo nhị thừa rơi vào chấp bên Niết-bàn biên, người học giáo Đại thừa mê đắm Đại thừa, nay phá các bên này khiến cho tâm chẳng còn mê đắm.

Chín là: Vì thêm lớn Tam-muội niệm Phật nên nói kinh này. Từ xưa chưa trình bày về thân chân thật, thân phương tiện, phạm phu nhị thừa mới bắt đầu thực hành, Bồ-tát không nhận thức được Phật cho nên không hiểu rõ lễ niệm, chỉ có sở đắc tâm lễ niệm, tức là lễ niệm có sở

đắc ở tâm, chưa hề lễ niệm ở Phật, vì thế Phật chẳng phải thầy của họ - họ chẳng phải con của Phật, nay mở bày thân phương tiện - thân chân thật, mới hiểu rõ lễ niệm.

Hỏi: Xưa kia vì sao không hiểu được lễ niệm?

Đáp: Ngày xưa chấp trước tuy nhiều nhưng không ngoài ba loại:

1. Không nhận thức được một nguồn gốc mà nhiều dấu vết. 2. Không nhận thức được vốn không sanh diệt nhưng phải có sinh tử. 3. Không nhận thức được Đức Thích Ca đã lâu chứng đạt pháp thân chẳng phải ở thành Già-da mới đạt được.

Vì ba bệnh này cho nên nêu ra ba giáo môn: 1. Trình bày về đức Thích Ca và Chư Phật ở Tịnh độ là ứng thân không hai, vì thế biết Ứng thân không hai, Tích thân không phải một. 2. Mở tháp ngội cùng tòa, nói lên Phật Đa-bảo diệt mà chẳng diệt, thì biết Đức Thích Ca sanh mà chẳng sanh, không sanh không diệt gọi là Pháp thân, phương tiện tuyên bố diệt, gọi là công dụng của Tích thân. Sanh ra nơi vương cung mà không bắt đầu, vắng lặng ở song lâm mà không kết thúc. Dấu vết tuy sanh diệt rõ ràng nhưng pháp thân chưa từng có bắt đầu vào chấm dứt. 3. Quá khứ thành tựu đã lâu, vị lai không mất gọi là Pháp thân, Nhiên Đăng thọ ký, Già gia thành đạo vì làm phương tiện.

Hỏi: Đức Thích-ca chứng được Pháp thân - Pháp thân có xa gần hay không?

Đáp: Pháp thân không có xa gần, chứng ngộ cũng không có xa gần vì sao? Vì chứng ngộ vốn ở nơi Pháp thân. Pháp thân đã không có xa gần thì biết chứng ngộ cũng không có xa gần, đã biết chứng ngộ lâu xa mà không lâu xa, nên biết ngày nay chứng ngộ gần mà rõ cũng không gần.

Hỏi: Vì sao chỉ trình bày ba điều này?

Đáp: Đầu tiên thì Pháp thân không hai - tích thân không phải một, chưa biết thân không hai là sanh diệt, hay là không sanh diệt, kể là trình bày. Pháp thân không có sanh diệt - ứng thân có sanh diệt. Tuy biết sanh diệt mà Pháp và Ứng có khác nhau, chưa biết đức Thích-ca là mới chứng Pháp thân hay đã chứng từ lâu xa, kể là trình bày về xa gần, tất cả Chư Phật đều có đủ hai điều trước, đức Thích Ca có đủ ba.

Hỏi: Đã trình bày về niệm Phật thì thế nào là niệm?

Đáp: Kinh Đại Phẩm chép: “Vì không nhớ lại cho nên nói lên điều này dứt trừ bỏ phân biệt, không thấy Phật là sở niệm - chúng sanh là năng niệm, như thể chân lý mà vì thế lễ niệm”. Như phẩm An Lạc và phẩm Thọ lượng trình bày.

Mười là: Muốn vì chúng sanh khắp mười phương ở đời vị lai phân biệt như thật về thêm bớt, tội phước hai thứ nghiệp báo như Hành Nghi giải thích, suy nghĩ về mười thân sơ tà chánh Kinh được gọi là Môn - trong Sở nói: “Nương thuận theo nghĩa thể, hành nhân ở giữa (Trung đạo), quả báo xuất thế tức là dựa theo Tông Luân số nói đặt tên có bốn loại, đó là Giáo, Lý, Hạnh, Quả, sơ lược có ba: Lại nói về Giáo có ba: 1. Vô nghĩa ngôn: như Tứ Phật Đà Luận, người Bà-la-môn đọc tụng, âm thanh thanh nhã tự mình rất đáng tôn trọng, nhưng tìm nghĩa đó hoàn toàn không có nghĩa lý, như Luận đó chép: “Ta đã uống cam lộ thành tựu không còn chết nữa”. 2. Tà vọng ngôn: như chín mươi lăm loại ngoại đạo, cũng nói về nhân quả nhưng trình bày kỳ lạ không chính đáng, nên gọi là tà vọng. 3. Như pháp ngôn: Như Đức Phật nói về đạo lý nhân quả, nói khổ, tập là nhân quả thế gian, diệt, đạo là nhân quả xuất thế, đạo lý tương xứng không trái ngược kỳ lạ cho nên gọi là Như pháp ngôn.

Lý có ba: 1. Nghĩa tăng thêm như các ngoại đạo, đối với pháp vô ngã ngang ngược cho là ngã pháp... 2. Nghĩa đều bớt, như các thứ tà kiến và đoạn kiến... 3. Nghĩa thuận theo Thể, như giáo pháp của Phật có thì nói là có, không thì nói là không, xa lìa đoạn kiến thường kiến nên gọi là thuận theo Thể.

Hạnh cũng có ba: 1. Thuận theo nhân thế gian, như đối với các sự việc hiếu thuận đối với sự việc thế tục - sự việc vua tôi... 2. Nhân sai khác kỳ quái, đó là vọng suy nghĩ về các giờ vui lạc, lìa mong cầu tà v.v...

Quả có ba: 1. Quả Xiểm trá, như tà vạy thuận theo số mạng để có được những lợi lộc quang vinh. 2. Quả luống dối, như các ngoại đạo vọng chấp vô tướng cho là Niết-bàn... 3. Quả xuất thế, như giáo pháp của Phật thường giúp cho chúng sanh vượt ra sanh tử chứng được Niết-bàn... Nhờ dựa theo giáo - lý - hạnh - quả có tà chánh cho nên đặt ra tên gọi như vậy, khiến cho bỏ tà qui chánh. Lại vì đạt được bốn thanh tịnh cho nên trình bày bốn tên gọi chung: 1. Giáo thanh tịnh. 2. Nghĩa thanh tịnh. 3. Phương tiện thanh tịnh. 4. Sở đắc thanh tịnh. Như dưới đây đặt nên tên gọi kia: Giáo tức là các thiện sơ, trung, hậu..., lý tức là xa lìa các thứ tăng - và giảm kia, hạnh là xa lìa các khổ vui, quả không phải là các khổ của thế gian vốn dựa vào sự vấy nhiễm của các hoặc, vì thế gọi là thanh tịnh. Lại vì dựa vào giáo giải thích mà ngộ lý- dựa vào lý phát khởi hạnh - do hạnh đạt được quả. Nếu không có giáo năng thuyên - không biết từ đâu ngộ lý, nếu không thể ngộ lý, có tà phân biệt nên

tạo ra các hành vi ác, có tà phân biệt tạo ra các hành vi ác do đó cảm các quả khổ. Nay dựa vào chánh giáo có thể hiển rõ chánh lý, đã chứng được chánh lý thì có thể phát khởi chánh hạnh, nhờ vào chánh hạnh nên có thể đạt được thắng quả. Vì vậy dựa theo bốn điều này để đặt ra tên gọi đó. Lại từ giáo cho nên phát sinh văn tuệ, dựa vào lý phát sinh tư tuệ, dựa vào hạnh phát sinh tu tuệ, do đây đạt được quả. Luận Nhiếp Đại thừa chép : “Huân tập Văn tuệ v.v... không có quả phát sinh thì trái với đạo lý”. Lại có hai loại: 1. Nương theo người, pháp. 2. Nương theo pháp, dụ, hoặc đơn lẻ hoặc cả hai, đan xen lẫn nhau bất định, vì sao như vậy? Vì nương theo, người là khiến cho biết tu tập sáu điều hòa kính, nương theo pháp là khiến cho biết những gì là liễu nghĩa, bất liễu nghĩa, hắc pháp, Đại pháp..., nương vào pháp dụ là vì độn căn, mở rộng hay tóm lược trình bày cho nên thuận theo xứ sở thuận theo sự việc, đều là trong pháp thâm nhận tên pháp rộng rãi. Theo đúng nghĩa trên, pháp giáo đặt ra tên gọi tuy có rất nhiều nhưng không ngoài điểm này. Và lại, như Nhiếp Luận nói về tên gọi đó chung có mười loại, tụng chép: “Pháp Bồ-đặc-già-la, pháp-nghĩa-lược-quảng-tánh, bất tịnh-tịnh-rốt ráo, gọi sở hành sai biệt”. Pháp đầu tiên gọi là sắc-thọ... Bồ-đặc-già-la là các tên gọi thế gian như: Thiên thọ v.v... tùy theo tên gọi Thánh giáo như Tùy Tín Hành v.v... Tên Pháp kế gọi là khế kinh v.v... Tên Nghĩa là đây giải thích nghĩa giết hại cha mẹ v.v... Tên lược là tất cả các pháp đều vô ngã v.v... tên rộng là sắc vô ngã... Tên Tánh là các chữ như A... là nhân của câu từ Tên Bất tịnh là các phàm phu bị các phiền não như nhiễm, tên Tịnh là các bậc Hiền thánh dứt trừ hẳn cấu bẩn. Tên Rốt ráo là sở duyên chung chính là Bát-nhã Ba-la-mật đa, cho đến Thập địa đều lấy chung hoặc lược Bát-nhã này làm sở duyên.

Ở đây có năm cặp đối: 1. Pháp và người đối nhau. 2. Giáo và nghĩa đối nhau. 3. Lược và rộng đối nhau, ba cặp này như thứ lớp. 4. Nhiễm và tịnh đối nhau, tên gọi thứ tám và thứ chín. 5. Phân biệt và phi phân biệt đối nhau, cũng có thể gọi là nhân và quả đối nhau. Tên thứ bảy (Tánh) và thứ mười (rốt ráo) là nhân còn lại cho nên phân biệt, gọi thứ mười để hiển bày lý rốt ráo do đó gọi là vô phân biệt. Trong đó thứ hai-thứ tám-thứ chín thuận theo người mà gọi tên, những cái còn lại thuận theo pháp mà gọi tên. Nhưng nay nói về giáo tức là thứ ba tên các khế kinh, trong Du-già tám mươi một tên gọi có mười hai. Tụng rằng: “Giả-thật-đồng-dị-loại tùy đức và giả nói, đồng-phi đồng sở liễu, hiển-bất hiển-rộng-lược nhất”. Tên gọi giả lập là bên trong giả lập tên các Ngã hữu tình, bên ngoài giả lập các tên gọi như bình lọ bồn chậu...

Tên gọi sự thật là đối với các nhân các sắc trong nghĩa các căn lập tên gọi các nhân v.v... Tên gọi đồng loại tương ứng, nghĩa là có tên gọi như tánh-sắc-thọ-đại chủng... Tên gọi dị loại tương ứng nghĩa là các tên gọi như Phật-thụ-đức-hữu... Tên gọi tùy đức, nghĩa là các tên gọi như chất ngại-danh sắc-lãnh nạp-danh thọ... Tên gọi giả nói, nghĩa là những loại danh nghèo, giàu v.v... tên gọi đồng sở liễu, nghĩa là cùng chung hiểu biết và thị phi trái với sự hiểu này. Tên gọi đồng phi liễu hiển, nghĩa là nghĩa lý dễ dàng hiểu rõ. Tên gọi bất hiển nghĩa là nghĩa lý khó hiểu rõ, như các thứ Đạt-la-nhĩ-trà chú. Tên gọi lược là tên gọi một chữ. Tên gọi rộng là tên gọi nhiều chữ.

Trong đây có sáu cặp đối nhau: 1. Tùy theo giải thích giả thật đối nhau. 2. Đồng loại Dị loại đối nhau. 3. Xưng Thể, lập Hư đối nhau. 4. Cùng hiểu chẳng cùng hiểu đối nhau. 5. Giải thích nghĩa khó dễ đối nhau, cũng nói là giải thích sự đê bí mật đối nhau. 6. Có thể giải thích lược rộng đối nhau. Tuy mười hai tên gọi mà không ngoài người và pháp, văn hiển bày có thể biết. Nếu phân biện về tên gọi của giáo, thì tùy theo nghĩa vốn thích hợp đó chắc chắn có thể thông suốt.

Tất cả luận về các giáo đặt nên tên gọi không như nhau, toàn bộ chia làm sáu thể lệ: 1. Nương theo sáu cách giải thích chung riêng. 2. Giáo lý-hạnh-quả chung riêng. 3. Người, pháp chung riêng. 4. Pháp dụ chung riêng. 5. Tam bảo chung riêng. 6. Khen ngợi chê bai chung riêng. Hoặc nay làm thành hai, gọi là người, pháp, đối với sáu thể lệ trước căn cứ theo sự chung riêng đó cũng có nhiều loại như nương theo sáu cách giải thích, hoặc chỉ có một, hoặc tất cả hai, ba, bốn, năm, sáu... hoặc không chỉ riêng một tên mà mang cả hai cách giải thích như kinh Niết-bàn-thể kinh có cả năng thuyên và sở thuyên, tức là có trì nghiệp thích và y chủ thích. Hoặc có cả ba để giải thích, như Luận Thành Duy Thức, luận Đại thừa A-Tỳ-Đạt-Ma-Tạp-Tập v.v... có giải thích chung cả ba cách: y chủ, trì nghiệp và hữu tài, như các kinh Chánh Pháp Niệm, tức giải thích chung cả trì nghiệp - y chủ, và lân cận, còn lại có thể theo đó mà biết. Hoặc có thể không đủ sáu cách giải thích đó, nếu dựa vào bốn tên gọi chung riêng về giáo-lý-hạnh-quả, thì chung tức là có mười lăm, riêng tức là có bốn, hai-ba hợp lại có sáu, ba ba hợp lại Bốn, bốn bốn hợp lại có một. Di Giáo - Vô lượng Nghĩa - Đại Nhẫn Nhục kinh Niết-bàn, theo thứ lớp này gọi Giáo, Lý, Hạnh và Quả. Hai-hai hợp, như kinh Giải Thâm Mật v.v... đều là giáo lý kết hợp, kinh Đại Phương Quảng-Bồ-tát Thập Địa kết hợp giáo hạnh, các kinh Xưng Tán Phật CôngĐức kết hợp giáo - quả, kinh Như Tín Lực Nhập Ấn kết hợp lý-hạnh, kinh

Như Lại Nhập Nhất Thiết Phật Cảnh Giới kết hợp lý-quả, kinh Như-lai Cầu Phật Bốn Nghiệp kết hợp hạnh-quả, ngoài ra có thể theo đó biết được. Pháp và người lập riêng, và pháp dụ hợp riêng, đều dễ dàng có thể biết. Tên gọi Người và Dụ như Bồ-tát Anh Lạc Bốn Nghiệp, Người, Pháp và Dụ kết hợp như kinh Thắng man Sư Tử Hống Nhất Thừa Đại Phương Tiện. Tam Bảo riêng rẽ kết hợp y, kinh A-Súc Phật, Kinh Tứ Phần Giới, kinh Nói Vô Cấu Xưng, là Tam Bảo theo thứ lớp Kinh Như-lai Công Đức Trang Nghiêm là tên gọi kết hợp giữa Phật và Pháp, kinh Phật Đại Tăng Đại là tên gọi kết hợp giữa Phật và Tăng, kinh Bồ-tát Giới là tên gọi kết hợp giữa Pháp và Tăng, kinh A-Nan Vấn Phật Sự Cát Hung là tên gọi kết hợp giữa Phật Pháp và Tăng, tất cả trên đây đều là đặt ra tên gọi không như nhau, mở rộng như Duy Thức Luận Sao trình bày, sợ nhiều nên lược qua ở đây.

Như vậy người học trước phải trình bày thông suốt tên gọi sau đó nói về kinh này. Trong tên gọi của kinh này chia làm hai phần: Đầu tiên dựa vào Số phân rõ, sau đó thuật về những tên gọi khác nhau. Trong phần thuật về tên gọi khác nhau, đầu tiên giải thích tên gọi Diệu Pháp, sau đó phân rõ tên Dụ. Đầu tiên giải thích Diệu Pháp: Nam Nhạc Tuệ Tư Thiên sư nói có mười Diệu: 1. Cảnh giới diệu. 2. Trí. 3. Hạnh. 4. Vị. 5. Ba pháp. 6. Cảm ứng. 7. Thần thông. 8. Nói pháp. 9. Quyến thuộc. 10. Công đức lợi ích diệu. Cảnh giới tức mười Như. Trí tức là năng duyên hai trí căn bản, Hậu đắc, trí vốn dẫn dắt cho hạnh, hạnh vốn trải qua danh vị, vị dựa vào ba pháp, dựa vào pháp để thích ứng với vật cơ thuận theo cảm ứng, tùy theo năng cảm mà vì đó hiện rõ thông suốt gọi là thần thông, ứng với cảm ấy mà giảng nói giáo pháp là nói pháp, vì thuận theo Phật cảm hóa nghe pháp có thể chứng ngộ là quyến thuộc, lấy pháp trao cho chúng sanh là lợi, cơ tùy đó hội nhập là ích gọi là công đức lợi ích diệu. Làm sao để biết được mười diệu này? Tức y theo văn kinh biết Phẩm Phương Tiện chép: “Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu suốt hết tướng tất cả pháp, tức là Cảnh diệu. Trí tuệ mà ta chứng đắc tức là Trí diệu. Đầy đủ hành cđường đạo tức là Hạnh diệu. Cỡi xe báu là nhân vị thăng đến đạo tràng là quả diệu tức hai vị diệu. “Phật tự an trú Đại thừa như pháp đã đạt được có đầy đủ tuệ lực trang nghiêm...” tức là ba pháp diệu. “Ta dùng mắt Phật quán sát đều là con mình - mọi người kinh hải nhà lửa, thấy cha ngồi ghế v.v...” đều là cảm ứng diệu. “Nay Phật Thế tôn nhập Tam-muội, rải hoa, mặt đất rung chuyển, phát ra ánh sáng chiếu soi rất xa” đều là thần thông diệu. “Vốn có thể nói các pháp sơ trung hậu thiện - ngôn từ mềm mại, những pháp đã nói ra

tất cả đều đến địa vị Nhất-thiết-trí, chỉ nói về đạo vô thượng v.v...” đều là nói pháp diệu. “Giáo hóa các Bồ-tát không có đệ tử Thanh-văn...” đều là Quyển thuộc diệu. “Thanh-văn nghe pháp được thọ ký trước Phật, đời vị lai, tùy đó nghe đạt được những phước đức lợi ích” đều là lợi ích diệu. Sanh khởi lần lượt, theo đúng nghĩa mà nói. Trên đây là giải thích về Diệu pháp. Kế đến giải thích về Dụ: Hoa có rất nhiều loại vì sao chỉ nêu ra hoa sen làm thí dụ? Đáp: Cát Tạng pháp sư nói: “Sơ lược có ba nghĩa: 1. Rời xa dụ. 2. Hợp dụ. 3. Chung dụ”. Nói lìa dụ: Một là trình bày hoa này không có mà thôi, có thì hoa, quả đều có một lượt, kinh này không nói thì thôi, là nói thì nhân quả cùng nêu ra. Lấy hoa sen thí dụ cho nhân quả.

Luận chép: Chỉ ra hiện rõ các tướng nhân quả. Hai là bởi từ hoa nở mà quả thay đổi hiện rõ, do lời nói phát mà lý hiển bày, vì thế lấy hoa sen thí dụ cho giáo lý. Kinh chép: “Nghĩa đó rất sâu xa lời nói khéo léo...” Ba là các hoa nở mà quả chưa hiện rõ, hoa nở rồi thì quả mới hiện rõ, chưa mở ra cửa ngõ phương tiện thì tướng chân thật chưa hiện rõ, mở ra cửa ngõ phương tiện thì tướng chân thật mới hiển bày. Hoa nở dụ cho mở cửa phương tiện, quả hiện dụ cho tướng chân thật hiển lộ, vì vậy ở dưới kinh chép: mở ra cửa phương tiện hiển bày tướng chân thật.

Kết hợp dụ: Sơ lược có mười nghĩa:

1. Hoa từ hạt giống sanh ra, dụ cho Nhất thừa chắc chắn có giống siêu việt, cho nên kinh chép: Giống Phật từ duyên mà khởi...”

2. Hoa này từ bé đến nở rộ, dụ cho Phật thừa dần dần thêm lớn, vì thế kinh nói “Dần dần chứa nhóm công đức v.v...”

3. Hoa này thêm lớn đầy đủ vượt lên khỏi nước bùn đục, dụ cho công đức Phật, cõi nước Phật vượt ra ngoài sanh tử lẫn lộn, nên kinh nói “Như-lai đã ra khỏi nhà lửa ba cõi, vắng lặng nhàn nhã ở nơi rừng vắng...”

4. Hoa này tuy vượt lên khỏi nước bùn nhưng chẳng bỏ nước bùn, dụ cho Phật tuy vượt ngoài bốn dòng mà không từ bỏ ba cõi, có nên kinh chép: “Đứng ở bên ngoài cửa, nghe có người nói, kinh hải vào nhà lửa, mới tùy nghi cứu giúp v.v...”

5. Hoa này trong sạch tuyệt vời bậc nhất, dụ cho Phật thừa đối với năm thừa là bậc nhất, cho nên kinh nói “Thừa này mầu nhiệm thanh tịnh bậc nhất, ở thế gian không có gì hơn v.v...”

6. Hoa này phàm Thánh khen ngợi ưa thích, Phật thừa cũng như vậy, xuất thế và thế gian khen ngợi yêu thích, cho nên kinh nói “Phật đã vui vì có thể tất cả chúng sanh đã thích ứng khen ngợi cúng dường

lễ bái” 7. Hoa này đài quả đầy đủ, dụ cho Phật thừa muôn đức đều tròn đầy, vì thế kinh nói “Vô lượng ức muôn các lực giải thoát - thiền định - trí tuệ và pháp của Phật”.

8. Hoa này Phật và Bồ-tát ngồi, kinh này cũng như thế, vì Phật và Bồ-tát đến an trú trong đó. Do vậy kinh nói “Phật tự an trú Đại thừa, như pháp đã đạt được đó, năng lực định tuệ trang nghiêm, lấy lực này độ chúng sanh”

9. Hoa này nở ra úp lại có thời gian, dụ cho Nhất thừa này ẩn hiện có lúc, xưa ẩn nay hiển, vì thế kinh nói “Cho nên chưa hề nói, vì lúc nói chưa đến, nay chính là đến lúc, quyết định nói Đại thừa”.

10. Hoa này lúc kiếp mới thành thì Phạm vương ngồi ở trên làm cha của chúng sanh, kinh này cũng như vậy, cho nên kinh nói “Như đại Phạm Vương là cha của tất cả thế gian, kinh này cũng như vậy, là cha của tất cả thế gian, là cha của tất cả các Hiền Thánh”, nơi khác lại nói “Trí độ Bồ-tát là mẹ, dùng phương tiện làm cha...”

Chung dụ như kinh Đại Tập chép: “Từ bi là rễ-thân, trí tuệ là hoa-lá, Tam-muội là nhụy, đài, giải thoát là giống-quả, Bồ-tát là ong chúa, Niết-bàn là cam lộ, vì thế cho nên ta đánh lễ kinh Diệu Phật Hoa sen”. Lại có giải thích: “Nói là diệu, Diệu gọi là bất khả tư nghị. Pháp là mười Như xứng với quyền thật, Hoa sen là dụ cho pháp quyền, thật ra vì Diệu Pháp khó hiểu, từ gần dụ cho xa”. Kế ý là nhiều lược, phỏng theo trước sau hợp thành sáu dụ:

1. Vì sen cho nên có hoa, dụ cho vì Thật cho nên có Quyền. Vì vậy kinh nói “Biết vắng lặng bậc nhất, vì dùng năng lực phương tiện, tuy nêu các loại đạo, thật ra là Phật thừa v.v...”

2. Hoa phô bày dụ cho khai quyền, sen hiện rõ dụ cho biểu hiện Thật, kinh chép: “Mở ra cửa phương tiện-hiển bày tướng chân thật v.v...”

3. Cánh Hoa rụng dụ cho phế bỏ quyền, sen thành tự dụ cho lập chân thật, kinh chép: “Chính ngay bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng”.

4. Còn sen dụ cho nguồn gốc, hoa dụ cho dấu vết, từ nguồn gốc lưu truyền dấu vết, dấu vết dựa vào nguồn gốc, kinh nói: “Kiếp trước lúc hỗn loạn” cho đến nói “Vì thế cho nên Chư Phật Như-lai dùng năng lực phương tiện một thừa phân biệt nói thành ba v.v ...”

5. Hoa phô bày dụ cho khai mở dấu vết, sen hiện rõ dụ cho hiển bày nguồn gốc, kinh nói “Các ông hãy lắng nghe, Như-lai nói về năng lực thần thông bí mật, cho đến từ lúc Ta thành Phật đến nay lại vượt qua

các số này...”

6. Cánh hoa rụng dụ cho phế bỏ dấu vết, sen thành tự dụ cho lập ra nguồn gốc, kinh nói “Pháp của Chư Phật Như-lai đều như vậy, vì độ chúng sanh đều là thật không hề luống dối v.v...”. Đây là vì trước nêu ra Diệu pháp, kể là dụ về hoa sen, quét sạch giáo chấp Hóa Thành, phế bỏ tình vương nơi am cỏ, mở cửa quyền phương tiện, chỉ rõ lý mâu nhiệm chân thật, hội hạnh nhỏ bé của muôn thiện, trở về Nhất thừa rộng lớn, căn thượng trung hạ đều thọ ký cho. Lại phát khởi hạnh quyền biến của Thánh, hiển bày sự sâu thẳm tinh vi của bốn địa. Cho nên, tăng thêm đạo, giảm bớt sanh, bốn thứ chúng sanh làm người lân cận, đấng Đại Giác một thời kỳ hóa đạo sự lý hiện rõ đều trọn đầy, dụ về hoa sen ý ở tại đây. Trong phẩm có hay không tức là nói có năm mất ba không thay đổi. Ngài Di Thiên Thích Đạo An nói: Phiên dịch trước kia là thời Tần có năm điểm sai với bản gốc và ba điểm không đổi. Một là chữ Phạn chép ngược lại (có chỗ nói lúc đầu ngược lại trải qua so sánh) nhưng chính là theo ý người dịch thời Tần, đó là một điểm sai bản gốc. Hai là kinh Phạm còn đơn thuần, người Tần thích văn chương, truyền bá thích hợp với tâm mọi người không phải văn chương thì không hợp, đó là điểm thứ hai sai với bản gốc - Ba là văn Phạn quanh co không rõ, đến ngâm nga ca vịnh dặn dò nhiều lần hoặc ba hoặc bốn mà không chê hay nhầm chán nên nay dịch cắt bỏ, là điểm thứ ba sai với bản gốc. Bốn là trong bản tiếng Phạn có nghĩa nói về chánh nhưng tựa như ngôn từ lộn xộn, tìm kiếm chứng lại văn bản nói trước không có dùng khác nhau, hoặc một ngàn hoặc năm trăm hoàn toàn không còn, đây là điểm thứ tư sai với bản gốc. Năm là dường như hợp thành, đem thay đổi gần kề cho đến lập lại nhiều lần ngôn từ trước, rồi dường như nói sau, mà nay tất cả đều trừ bỏ. Đây là điểm thứ năm sai với bản gốc. Người trí tâm thẳng đến ba đạt, trái lại giảng nói Thánh chắc chắn nhờ vào thời tục thường có khác nhau mà chọn lọc mẫu mực cổ xưa để thích hợp với hiện tại, đó là không thay đổi thứ nhất. Ngu trí cách xa tự nhiên, bậc Thánh, gần kề thêm bậc, chính là muốn dùng ngôn ngữ tinh tế hướng lên trên của ngàn năm lưu truyền khiến cho phù hợp với sự dụng vụn vặt xuống dưới của trăm vua, đó là không thay đổi thứ hai. A-nan nêu ra kinh trách Phật chưa xa, Tôn giả Đại Ca diếp khiến năm trăm người chứng Lục thông tất cả thay nhau xem xét làm thành kinh sách. Nay xa cách ngàn năm mà ý kinh vẫn gần, lượng kinh có bớt, A-la-hán kia còn canh cánh lo lắng như vậy, phàm phu sanh tử này còn thường như thế, há dám nghi ngờ người không biết pháp! Đây là không thay đổi thứ ba.

Trải qua từ đất Tây Vực năm điểm thất lạc, ở điều không đổi, đến thời Tần mới dịch văn Phạm, luống chẳng đáng cần thận hay sao!

Nói về tên phẩm kinh có hai: Đầu tiên là giải thích tên gọi phẩm kinh khác nhau, sau đó trình bày tên gọi thích hợp. Tên gọi khác nhau: Kinh Chánh Pháp Hoa chép: Phẩm Quang Thụy, phẩm Phương Tiện, phẩm Ứng Thời, phẩm Tín Giải Lạc, phẩm Dược Thảo, Phẩm Thụ Thanh-văn Quyết, Phẩm Vãng Cổ, phẩm Thụ Ngũ Bách Độ Tử Quyết, Phẩm Thụ A-nan La Vân Quyết, phẩm Dược Vương Như-lai, phẩm Thất Bảo Tháp, (Phẩm Đề-bà-đạt-đa gộp vào trong phẩm Bảo Tháp, phẩm Khuyến Nói, phẩm An Hạnh, phẩm Tha Địa Đồng Xuất, phẩm Như-lai Hiện Thọ, phẩm Hành Phước Sự, phẩm Khuyến Minh, phẩm Thán Pháp Sư, phẩm Thường Bị Khinh Mạn, phẩm Như-lai Thần Túc Hành, phẩm Dược Vương Bồ-tát, phẩm Diệu Hống Bồ-tát, phẩm Quang Thế Âm Phổ Môn, phẩm Tổng Trì, phẩm Tịnh Phục Tịnh Vương, phẩm Lạc Phổ Hiền (ở cuối nói: lúc Đức Phật nói phẩm này như hằng hà sa ức trăm ngàn Bồ-tát chúng đều đắc ngay tổng trì tất cả), phẩm Chúc Lụy. Giải thích về phẩm phước lập nếu, phẩm Chúc Lụy ở trước phẩm Dược Vương, thậm chí có nói nói tám sai trái và có nói nói mười chứng minh phẩm Chúc Lụy phải ở trước phẩm Dược Vương, một là: Khiến cho trở về như cũ là chứng minh, chỉ nói Hóa Phật sai khiến trở về bốn độ, vì tháp Phật Đa-bảo chưa điều khiển trở về. Hai là Không nói Phật khen ngợi là bằng chứng trong phẩm Dược Vương chỉ nói về tháp báu ngợi khen. Ba là Diệu âm khai bày cung kính là bằng chứng các Bồ-tát hiện ra lễ kính tất cả phân thân, Diệu âm chỉ lễ kính hai Đức Phật. Bốn là Uế độ chẳng phải tịnh độ là bằng chứng, Hóa Phật chưa đi, ở đây còn khiến cho tịnh. Diệu Âm trong tương lai vì sao được khuyến nhủ? Năm là Thưa hỏi Phật đến hay không là bằng chứng, nói rằng Đa-bảo Như-lai đến nghe pháp hay không, đã không thấy Đức Đa-bảo, thì rõ ràng tháp đã đóng lại. Sáu là Muốn thấy Đức Đa-bảo làm bằng chứng, nếu tháp chưa đóng cửa, thì hai Đức Phật cùng an tọa, tự nhiên tùy đó đều nhìn thấy, đâu cần phải thỉnh cầu được thấy? Bảy là Thỉnh cầu nhìn thấy chỉ có nghe là bằng chứng, đã chỉ nghe tiếng, không nói thấy Phật, rõ ràng biết là đã đóng lại. Tám là Cung kính tháp chẳng phải Phật là bằng chứng, hai Đức Phật cùng an tọa, tùy đó lễ kính hai Ngài, vì sao chỉ nói lễ lạy tháp Đa-bảo? Chín là Hai phần không như nhau là bằng chứng, nếu Hóa Phật chưa trở về, vì sao không như nhau mà tôn trọng thi hành? Mười là Không phân biệt phân thân là bằng chứng, nếu xuống dưới phẩm Dược Vương còn có Hóa Phật, sao không có văn trình bày làm bằng chứng? Dùng mười

bằng chứng Chúc Lụy này không thể khiến cho ở sau, cần phải mở rộng như luận nói, tôn trọng tìm kiếm giải thích này, lý sâu xa vẫn thông suốt. Nhưng nghĩa có ngàn muôn đường, người nay phiên dịch qui về vết cũ của bậc thượng đức, đã dùng mười chứng cứ Chúc lụy khiến cho ở trước. Nếu như vậy sẽ có mười điều không thể, vì thế cho nên Chúc Lụy trả lại khiến ở cuối kinh. Một là khiến cho trở về bốn độ là bằng chứng không thể, không nói như cũ, chỉ là nói tháp đóng lại mà không nói khiến trở lại cõi nước mình. Chánh Pháp Hoa chép: Giảng đường của Đức Đa-bảo Thế tôn bằng bảy báu thì tháp miếu của Đức Phật trở về lại chốn cũ cũng không thể nói, kinh vốn có khác nhau chỉ riêng một Đức Phật nói ra lại không giống nhau, ít thấy nghe khác nhau. Hai là Không nói Phật khen ngợi là bằng chứng không thể, phẩm Dược Vương Bồ-tát Bổn Sự chép: “Đức Như-lai Đa-bảo ở trong tháp bảy báu khen rằng: Lành thay! Lành thay! Tuy mở tháp báu mà Đức Phật không ở trong tháp” nay nói Đức đa. Bảo ở trong tháp báu, khen ngợi rằng lành thay, mà không nói tháp khen ngợi, Nói chẳng phải Phật khen ngợi là bằng chứng không thể. Ba là Diệu âm khai bày cung kính là bằng chứng không thể, vì ở phương dưới hiện lên kính lễ tất cả phân thân mà Diệu âm không kính lễ tức là bằng chứng hóa thân Phật đã đi, cũng nên Văn thù. Không lễ lạy vì phân thân đã đi. Phẩm Đề-bà-đạt-đa cũng nói: “Đến nơi hai Đức Thế tôn tu hành cung kính xong rồi hướng về chỗ Trí Tích”, mà không nói kính lễ tất cả, lễ nào Hóa Phật đi do đó là không thể chẳng? Bốn là Uế độ chẳng phải Tịnh độ là bằng chứng không thể, nếu Diệu âm được khuyên nhủ cõi trở về cõi uest trước thì cũng nên Hóa Phật khiến đến Linh Sơn xuất hiện nên chẳng phải cõi tịnh, nếu nói: Tuy nói các núi y cứ vào bốn tướng mà giải thích bàn luận cõi nước thật sự thanh tịnh, thì Diệu âm thấy uest trước tương tự cũng như vậy, hoặc nói tuy trở thành Tịnh độ mà Linh Sơn còn tồn tại cho nên chẳng phải thí dụ, Linh Sơn chẳng phải uest độ trở thành Tịnh độ hãy còn tồn tại, đã xuất hiện núi đá làm sao có thể tồn tại, vì thế nói tồn tại là nói theo thời gian ban đầu. Như Văn-thù từ biển hiện lên, cũng như nói đến núi Kỳ-xà-quật, hội lúc ấy hoàn toàn lấy lên trên hư không đến núi là muốn làm những điều gì? Do đó tuy đến hư không tháp báu mà y cứ theo lúc đầu còn nói đến nơi vùng núi cư trú sai thị giả cầm hoa đến núi, vì vậy biết rõ căn cứ vào lúc đầu chẳng phải Tịnh độ mà bên trong có thể có Kỳ Sơn. Kinh chép: “Lúc ấy, ta và chúng tăng, cùng ra khỏi núi Linh Thứu”, cũng nói theo chỗ ban đầu, nếu cho rằng kinh nói chỉ lưu lại chúng trong hội này cũng giữ lại người và núi ấy không thể như vậy,

chúng khiến cho nghe pháp vốn là để có thể lưu lại, núi không nghe kinh thì lợi ích gì mà lưu lại, do đó nói cõi uế chẳng phải tịnh độ là bằng chứng không thể. Năm là Thưa hỏi Phật đến hay không là bằng chứng không thể, vì sao Văn thù thỉnh cầu được thấy Diệu âm, Đức Thích Ca Như-lai nói rằng Đa-bảo Như-lai có thể hiện rõ sự tướng cho các ông thấy, thì Phật Đa-bảo nói với Diệu Âm rằng: Người thiện nam đến đây. Văn thù sư lợi muốn được thấy ông nên đến theo lời gọi của Phật, làm thế nào là giả hỏi, hỏi để truyền bá lời Đức Phật nói cho nên kinh chép: Phật Tịnh Hoa Trí hỏi thăm Thế tôn. Lại thưa hỏi Đức Đa-bảo Như-lai đến nghe pháp hay không? Chẳng phải Diệu âm tự hỏi vì thế là không thể. Sáu là mong muốn thấy Đức Đa-bảo là bằng chứng không thể. Nếu nói hai Đức Phật cùng ngồi tức là khiến cho tất cả cùng thấy, đâu cần phải cầu xin Đức Phật. Nay con mong muốn nhìn thấy Đức Phật Đa-bảo ấy là, Bồ-tát là người dưới - Như-lai là quả trên che chở khiến cho nhìn thấy, có thể được nhìn thấy bậc tôn quý, nếu chưa che chở thì không thể nhìn thấy được. Hy vọng mong Đức Phật che chở cho nên thỉnh cầu muốn nhìn thấy, vả lại Diệu âm sắp đến, Văn thù đang thỉnh cầu Đức Phật che chở, thì Diệu âm đã hiện ra nơi đó vì thế được thấy, cần có Phật lực nên tuy hai Phật đồng toà mà thỉnh rồi mới thấy, không phải thỉnh cầu nhìn thấy tức hững tháp đóng lại cho nên là không thể. Bảy là Thỉnh cầu nhìn thấy mà chỉ nghe tiếng là bằng chứng không thể, nếu vì thỉnh cầu nhìn thấy thì kinh chỉ nói rằng khen ngợi mà không nói là nhìn thấy thân, tức là rõ ràng không thấy Đức Đa-bảo, nay Văn thù thỉnh cầu nhìn thấy diệu Âm, kinh không nói Diệu âm sẽ đến, mà Văn thù được nhìn thấy, thì Văn thù cũng phải thật sự không nhìn thấy Diệu âm. Nếu đã thỉnh cầu nhìn thấy thì có thể thấy đâu cần phải nói điều ấy, Diệu âm thỉnh cầu nhìn thấy nên lập tức nhìn thấy, đâu cần trong văn nói là được nhìn thấy vì thế là không thể. Tám là Tôn kính tháp chẳng phải Phật là bằng chứng không thể, vì sao? Vì nếu theo Diệu âm tôn kính tháp mà không nói tôn kính Phật, thì chứng minh rằng tháp đóng lại, ngài Phổ Hiền lẽ ra cũng đến không nói tôn kính tháp, tháp cũng sẽ không có, không thể nói tháp lúc này không còn. Văn không có chỗ di chuyển tháp, tuy không tôn kính tháp nhưng không ngại gì đến có tháp, không nói tôn kính Phật nào trở ngại gì đến nhìn thấy Phật? Cũng như sau khi tháp mở ra tất cả đều ở giữa hư không, Văn thù cùng hỏi Thánh chúng nói rằng đến Linh Sơn, lẽ nào có thể không biết Phật đang trong tháp báu hay sao? Vì núi ngay từ đầu cho nên nói là đến núi, vì vốn tồn tại tháp cho nên nói là tôn kính tháp, chẳng phải không thể đến giữa hư

không và tự mình kính lễ Phật. Lại như Thông thường nói Liên thư tức hạ, chưa hẳn đặt ở dưới đầu gối, chỉ là từ ngữ cung kính, ở đây cũng thuận theo như vậy. Lại theo kinh Chánh Pháp Hoa, thì Quán Âm chia hai chuỗi anh lạc, một phần dâng lên Đức Thích Ca Mâu-ni, một phần dâng cúng Đức Đa-bảo Như-lai, không nói dâng tặng tháp báu, rõ ràng tháp không đóng nên Diệu âm có thể nhìn thấy được. Nay nói chỉ có đóng cho nên là không thể. Chín là Hai phần không bằng nhau là bằng chứng không thể. Nếu vì Đa-bảo chỉ là hai phần, không dâng lên Hóa Phật, rõ ràng biết Hóa Phật là không có, cũng thuận theo Long Nữ chỉ dâng cúng Đức Thích Ca thì Đức Đa Bảo cũng phải đi rồi. Còn Văn thù không lễ lạy phân thân thì phân thân cũng không có, Quán âm không dâng cúng phân thân, sao có thể tức thì cho là đã đi? Vì lễ lạy cung kính ngang nhau, cho nên là không thể. Mười là Không phân biệt phân thân là bằng chứng không thể. Nếu văn kinh dưới không nói đến Hóa Phật, thì sao lại phớt bỏ tình đang còn, xuống dưới phẩm Dực Vương không nói đến Thanh-văn, Thanh-văn chẳng lẽ chẳng có? Nếu là trong phẩm Phổ Hiền nói có, tức là chứng minh hiện tại có Thanh-văn, chỉ có kinh Chánh Pháp Hoa như phẩm Chúc Lụy ở cuối kinh, rõ ràng biết rằng Hóa Phật cũng có. Văn nghĩa cần phải giải thích có thể lập tức giải thích, văn nghĩa không cần thiết, vì sao lại gượng gạo giải thích, cho nên không thể. Phân định tách biệt trong bản văn, một nói là tám phẩm dưới từ phẩm Phương Tiện trở xuống làm Chánh Tông, một nói cho đến phẩm Bồ-tát Bất Khinh làm Chánh tông. Tuy có hai cách giải thích nhưng ý chọn lấy cách giải thích thứ nhất, vì sao? Vì văn dưới nói: “Nay trong kinh này chỉ nói riêng về Nhất thừa”, lại nói: “Mở cửa phương tiện, tức là nói quyền biến xưa kia, hiển bày tướng chân thật, chính là nay nói về thật”. cũng trong phẩm Phương Tiện đã là căn bản đích thực trình bày về Quyền-Thật, Thừa đã nói, thí dụ Hóa Thành tiếp tục nói về nghĩa trước, ba căn được thọ ký, về sau thì ngợi khen khuyến khích thực hành, nói pháp đã ổn định, tức thời Trí Tích thỉnh cầu đi, là trình bày về lưu thông, hiển bày thế lực của kinh, hóa độ rộng rãi mau chóng thành tựu, chẳng phải tập hợp Quyền hiển bày đối với một Thật. Lại luận giải thích nói nguyên do theo thỉnh Phật nói pháp là vì việc làm của Thanh-văn nên muốn cho Thanh-văn quay lại hưởng về Đại thừa. Cũng trong luận Nhiếp Đại Thừa nói là dẫn dắt thâm nhiếp một loại và tùy chỉ những loại khác, nói Nhị thừa không khiến cho xả bỏ không thể hưởng về, chẳng lẽ nói Báo và Pháp không thể khiến cho phát khởi Hóa, lẽ ra thành Phật rồi lại không phát khởi Hóa ư? Lẽ ra không khiến cho tu tập

nhân đức của Phật ư? Cho nên biết không vì thế xả bỏ đối với Hóa Phật chỉ nói riêng về Pháp và Báo. Lại, ba thân Phật đều là Bồ-đề vô thượng, cho nên thứ nhất nói về thiện còn lại trình bày phẩm Phương Tiện về sau cho đến phẩm Bất Khinh là Chánh tông của kinh. Đến phẩm Phương Tiện xuống dưới mười chín phẩm trình bày thể của kinh, tám phẩm sau trình bày phần Lưu Thông, tựa trình bày về lý do phát triển giáo, Thể rõ ràng thì lợi ích cho người ngồi nghe. Nếu vì được thọ ký là lợi ích, tức là nói về Phương Tiện trở xuống tám phẩm sau là Chánh Tông. Nếu vì được chứng thật đều gọi là lợi ích, thì phải vâng theo các hành thiện của Pháp sư cho đến Phổ Hiền, vì sao chỉ đến Bất Khinh? Chỉ riêng điều này chính là có sai lầm rất là rộng hẹp, còn lại theo đúng sự phân định trước đó, được mất có thể biết. Có nói giải thích trong bảy thành tựu, Tựa thành tựu có hai: Một. Hiện bày sự tối thắng trong pháp môn. Hai. Thành tựu công đức tự tại. Nói rằng lấy sự tối thắng trong pháp môn cho nên phối hợp với văn Tựa thành tựu, công đức tự tại cho nên phối hợp giải thích sáu thứ còn lại. Cách giải thích này đích thực trái với Luận, văn luận tự chia ra bảy thành tựu đã nói, còn Tựa thành tựu ấy, chính là điều khác nhau nhắc lại để giải thích. Vì hai nghĩa đó khác nhau thuộc về thành và núi, sao có thể tự tại thuộc về sáu nơi khác thành ra không thể nói. Luận nói hiển bày pháp tối thắng này nêu lên thuộc về văn kinh. Công đức thành tựu đã không kết hợp, xứng với trình bày thuộc về sáu thứ còn lại, vì pháp tối thắng nói cùng hiển bày hai thứ trước. Vì giáo năng thuyết và công đức sở thuyết đều gọi là pháp, cho nên pháp là gọi rộng. Giải thích tôi nghe như vậy, đều nói rằng A-nan tự mình nghe điều ấy từ Đức Phật.

Hỏi: Như Phật lúc mới thành đạo đến hai mươi năm sau A-nan bắt đầu xuất gia, vì sao các kinh đều nói tôi nghe?

Đáp: Đức Phật nói lại cho A-nan nghe. Làm sao biết được? Vì trong kinh Bồ-tát Xứ Thai có phân biệt rộng, Phật nhiều lần hỏi người không nghe gì đã nói ra, A-nan thưa không nghe, Phật dạy lắng nghe vì đó nói ra, A-nan được Phật giác ngộ Tam-muội, vì thế tất cả các thời gian đều có thể nhận được.

Hỏi: Nếu vậy vì sao Luận Trí Độ chép: A-nan sắp lên tòa cao lúc nói kinh, hướng về phương Phật Niết-bàn mà nói bài kệ rằng: Phật lần đầu xoay bánh xe pháp, bấy giờ con không thấy, như thế lần lượt được nghe, xưa ở tại Ba-la-nại, vì chúng năm Tỳ kheo, xoay bánh xe pháp Bốn đế?

Đáp: Văn trong Luận Trí Độ vì tùy theo các bộ khác cho nên nói

như thế. Lại giải thích về Phật ban đầu ở chỗ kia vì năm vị mà nói, sau lại lần lượt vì A-nan tiếp tục nói, lần lượt nghe.

Hỏi: Nếu vậy Luận Nhập Đại Thừa chép: “A-nan giữ gìn pháp không rõ ràng hết, hai mươi năm trước đều không giữ”. Lại trích dẫn Trung A-hàm nói: “Thích-đề-hoàn-nhân nói với Uất Đa-la rằng: Tôn giả! Ta được tha tâm thông quán xét tất cả chúng sanh cõi Diêm-phù-đề, không có khả năng thọ trì Phật pháp, chỉ ngoài Tôn giả ra, người khác không thể nào rõ ràng được”. Vì nhân duyên này nên biết A-nan không phải có thể giữ gìn tất cả được. Còn trong kinh Thủ lăng nghiêm, Đức Phật vì Thiên tử Tịnh Nhật Tạng mà nói: Pháp A-nan giữ gìn chỉ số ít, không đáng nói. Pháp không thọ trì thì vô lượng, cho đến nói rộng ra thì lại đầy khắp thế giới như cát bụi trong mười phương đều như A-nan không thể nào giữ gìn hết được, cũng giống như vậy?

Đáp: Căn cứ theo Phật chưa che chở chưa tiếp tục vì A-nan nói cho nên làm ra cách giải thích như vậy. Kinh Thủ lăng nghiêm căn cứ vào pháp vốn đã ngộ của Phật mà chưa nói nên nói không thể nào giữ gìn tất cả, như nói pháp chưa thuyết nhiều như lá cây trong rừng v.v... còn pháp đã nói nơi này thì A-nan có khả năng gìn giữ, nói theo các Tịnh độ ở mười phương thì A-nan không thể giữ được.

Hỏi: Nếu A-nan chẳng phải Đại Bồ-tát thì các pháp khác không thể giữ gìn đã là Bồ-tát hóa thành Thanh-văn sao không thể giữ gìn.

Đáp: Vì ở nhân vị, nơi hiển bày tướng thân ở cõi này, ở chỗ khác nói rằng không thể giữ gìn được, ở cõi này không ai có khả năng. Vì sao Trung A-hàm chép: Chỉ ngoài Tôn giả Uất Đa-la, người khác không thể rõ ràng hết? Uất đa-la cũng là Thanh-văn? Lại trái với kinh Xứ Thai chép? Đáp: Thấy đều có thể gìn giữ, nếu không như vậy thì trái nhau, cho nên các kinh nói thông suốt điều này, thật ra các văn không sai.

Nói các lậu đã hết là giải thích tên gọi, Câu Xá chép: Dừng lại ở hữu tình, trú nơi sanh tử, hoặc khiến cho trôi lăn ở trong sanh tử, từ trời Hữu Đảnh xuống đến địa ngục Vô gián, do sự tiếp nối liên tục kia ở sáu cửa như chớp, trải qua vô cùng vô tận nơi này nên gọi là Lậu. Bồ-tát Thế Thân thuật lại kinh bộ rằng: Nếu khéo giải thích tức là ở các cảnh giới trôi lăn tiếp trải qua nơi này không dứt gọi là Lậu”, Hoặc như Đại Thừa Tập Tập quyển sáu chép “Khiến cho tâm liên tục trôi lăn tán loạn không dứt gọi là Lậu”. Đây lại hỏi vì sao dựa vào phần ngoài trôi lăn mà lập dục lậu, dựa vào phần trong trôi lăn mà lập Hữu Lậu, dựa vào hai phần sở y kia trôi lăn nên lập Vô Minh Lậu, khiến cho tâm trôi lăn tán loạn không dứt là nghĩa về Lậu? Giải thích rằng: Đối với cảnh giới

trả qua này tồn tại lấy Lưu làm tên gọi, chỉ được phần căn bản của Tiểu thừa, mất đi phần thuận phát của Đại thừa.

Nêu ra Thể của Lưu có giải thích nói: Du-già có giải thích sáu mươi bốn vô minh lậu chỉ lấy ái kiến sở y vô minh làm vô minh lậu, cho nên Luận chép: “Sơ lược do năm tướng tồn tại tà giải thoát dục, vô minh, lậu: 1. Môn Hữu tướng luận sanh khởi vô minh. 2. Môn Vô tướng luận sanh khởi vô minh. 3. Môn Phi hữu tướng phi vô tướng luận sanh khởi vô minh. 4. Do đoạn kiến luận môn sanh khởi vô minh. 5. Do môn hiện pháp Niết-bàn luận sanh khởi vô minh. Lấy văn này chứng thật, chỉ chọn lấy phân biệt, lại chỉ chọn lấy Kiến sở y vô minh thì không như vậy. Đây chỉ tạm thời dựa vào ba phần mong cầu của cõi Dục mà nói, chẳng có chỉ nói không đúng: Trên đây sơ lược vô minh chẳng phải Lưu, như Sơ giải thích, dùng hết lý của Đại thừa, Du-già quyển tám mươi chín chép: “Các cõi Dục bị tất cả phiền não ràng buộc chỉ trừ vô minh gọi là Dục lậu. Tất cả phiền não ràng buộc hai cõi Sắc, Vô Sắc chỉ trừ vô minh gọi là Hữu lậu. Ở ba cõi kia vốn có vô trí nhóm hợp thâu nhiếp làm một đặt tên vô minh lậu. Nếu tất cả có thì Câu-xá tụng rằng: “Dục phiền não và triền trừ ra si gọi là Dục lậu, Hữu lậu hai cõi trên chỉ riêng phiền não trừ si Tánh vô ký, đồng chuyển môn trong và khởi ở định địa cho nên hợp thành một”. Vô minh căn bản của các hữu cho nên tách làm một lậu, nhưng trong triền ngoại trừ hôn trầm, trạo cử Bà-sa nói: “Triền của cõi kia nhỏ bé không tự tại”. Theo Túc Luận Phẩm Loại và Tông của kinh Bộ, thì thêm vào hai loại này. Nhưng theo đúng hai Tông thì phiền não ba cõi toàn bộ thuộc về ba lậu.

Trong kinh lại nói: “Không trở lại phiền não” có hai cách giải thích như Sơ, chẳng phải thuộc ba lậu trước. Hoặc bất tận đối lại nói. Không còn trở lại. Có giải thích rằng: Ba lậu trước thâu nhiếp không dứt đối lại nói không có trở lại phiền não, rất là đối gạt! Hết các hữu kết ấy, có chỗ nói: Chẳng phải chín kết. Tướng Danh Tông chép: Chín chỉ riêng triền hiện ở cõi Dục cho nên tùy đó chọn lấy năm phần kết trên dưới. Nay cho rằng không đúng Theo quyển tám mươi chín chép: Dựa vào chín việc có thể hòa hợp cho nên đặt ra chín kết. 1. Dựa vào chín phẩm tại gia các hữu tình, phi hữu tình khả ái tất cả cảnh giới sự việc mà tham ái trói buộc. 2. Chính là dựa vào những việc đáng ghét của tất cả cảnh giới mà sân nhuế trói buộc. 3. Dựa vào những việc từ nơi hữu tình mà kiêu mạn trói buộc. Hoặc bốn, năm, sáu dựa vào các sự ba loại tà tích thắng giải trói buộc người xuất gia đối với nói pháp ác. Nghĩa là dựa vào những gì lắng nghe không phải chánh pháp, dựa vào thể không

đúng Như lý mà tư duy tà vạy, dựa vào chẳng thuộc phần phương tiện mà tu tập. Sai khác như vậy tức là ba thứ của ba kết. 7. Dựa vào khéo nói pháp luật không có thắng giải mà bị ràng buộc. 8. Dựa vào sự việc người xuất gia mà trí nghèo túng. 9. Dựa vào người tại gia mà tài sản nghèo túng. Như thứ lớp khởi lên chín kết, hai kết sau y cứ vào nhân, vì người xuất gia hà tiện về pháp, nên biết rằng nghèo túng về trí. Người tại gia ganh tị (xan tậ) tài vật cho nên sẽ nghèo túng về tài sản. Đây là căn cứ vào phần lớn vốn sinh ra từ cõi Dục. Không nói riêng chỉ ở Dục giới là theo đúng Tạp Tập quyển sáu chép: “Ái kết nghĩa là tham ái kết đều ràng buộc ở ba cõi. Mạn kết là bầy mạn, vô minh kết là vô trí trong ba cõi”, trên đại thể thì giống như Hữu Bộ, vẫn ở Luận Trung Biên quyển nhất cũng đều cho là không nói chỉ riêng cõi Dục. Còn trong quyển tám mươi bốn chép: “Đối với năm việc có thể hòa hợp cho nên gọi là Kiết. Thứ ba hướng về sự có thể sanh khởi các đường, ở trong các đường có thể hòa hợp cho nên gọi là sự các đường hướng tới. Đã nói các thí thì không phân biệt hai cõi trên, rõ ràng chấp nhận có cả hai thủ - ba kiến trong ba cõi, đều hợp lại thành kiết. Vả lại Câu Xá chép: “Vì những vật thủ-tức là ba kiến kia có mười tám vật, hai thủ cũng lại như vậy nên gọi là vật đẳng”, ba thứ sở thủ, hai loại năng thủ nên gọi là Thủ đẳng. Sở thủ, năng thủ, vì có sai khác, vì sao trong Triền chọn lấy hai loại Tật xan? Vì tánh bất thiện tự tại phát khởi, do đó tám triền có thể như vậy. Phần - phú trong mười triền cũng đầy đủ hai nghĩa, lẽ ra nói là luôn hiện hành. Lại, hai san, tậ làm nhân nghèo túng cho nên nói lên khắp nơi khuyến khích sám hối, cũng là Tùy phiền não do đó não loạn hai hàng xuất gia và tại gia. Vì thế theo đúng sở giải thích, vẫn là lý cùng tậ. Nếu chọn lấy năm phần kết trên dưới, theo đúng tám mươi chín chép: “So với cõi Sắc và Vô Sắc thì cõi Dục gọi là phần dưới, so với đầy đủ Tu đạo - kiến đạo tức đó là phần dưới”. Vì dựa theo hai phần này mà có phần dưới sai biệt, chắc chắn đây chính là thuận theo năm phần dưới của kết theo đúng phân biệt hoặc không có câu sanh ái không thành hữu kết, vì thiếu nhuận sanh, do đó trái với văn khác. Đây đã dựa theo đa phần, chín kết cũng thuận theo như vậy, sơ lược nêu ra hai, ba các văn khác giải thích thường có sai lầm, y theo đây có thể biết.

Kinh nêu trong chúng có A-tu-la, có nói giải thích dẫn kinh A-hàm rằng: “Người cõi trời Quang Âm nhập tinh lực vào trong biển liền thành một quả trứng, trải qua tám ngàn năm sanh ra nữ Tu-la, thân như núi Tu-di, ngàn đầu nhỏ tiếp xúc một loại nước nên thân nữ phát sinh Tỳ ma chất đa-la, thân hình lớn gấp bốn lần mẹ, chín đầu tám chân ngàn

tay nhỏ nhất, phối với Hương Sơn. Càn-thát-bà sinh ra Xá-thai”. Đây là trong kinh luận về nghĩa ngoại đạo, không đúng. Vì trời cõi Dục còn không có tinh lực uestap, đâu thể trời cõi Quang Âm mà có tinh lực trôi lăn ư? Có nói giải thích: Trong nói pháp, thời, chí thành tựu, nói Kinh Đại thừa là tên gọi chung, Vô lượng nghĩa về sau là tên gọi riêng, nhưng tên gọi riêng đó chẳng những giải thích vô lượng nghĩa, mà cũng thông cho tất các kinh Đại thừa. Nghĩa giải thích đây chưa thích hợp. Vả lại, giải thích tên chung và riêng về lý, có thể như thế, vì kinh Đại thừa là tên gọi chung cho tất cả các kinh Đại thừa, giải thích này rất đúng. Nhưng nói vô lượng nghĩa trở xuống là tên gọi riêng nhưng cũng chung cho tất cả kinh Đại thừa, thì chưa chính xác. Luận giải thích về Thời thành tựu nêu lên nói Vô lượng nghĩa, nếu chung cho tất cả sao gọi là Thời thành tựu! Hoặc nói ra kinh khác mà chưa nói về Pháp Hoa này, vì vậy cho nên biết, mười bảy tên gọi ấy chỉ giải thích một Vô Lượng Nghĩa.

Luận chép: “Tu-đa-la ấy có mười bảy tên gọi, nếu chung cho tất cả đâu cần phải nói về điều này?” Lại tự giải thích rằng: Lúc này giáo nghĩa của một bộ đã nói ra chỉ được ba tên gọi, như Hoa Nghiêm... chỉ gọi là Phương Quảng.” Lại nói: “Mười bốn tên gọi còn lại vốn giải thích về nghĩa, trong kinh Vô Lượng Nghĩa không đầy đủ, Vô Lượng Nghĩa không có tên gọi khác chỉ có ba tên gọi”. Nếu như vậy thì làm sao có thể nói mười bảy tên gọi chung cho tất cả các kinh Đại thừa? Lại, Luận chép: “Tu-đa-la Đại thừa này có mười bảy tên gọi, nếu tên gọi Vô Lượng Nghĩa không đầy đủ sao có thể nói đây có mười bảy tên gọi?” Xem trong sáu đường, có nói: “Vua Diêm la” tức theo kinh Hoa Nghiêm đặt riêng tên đường, kinh Hoa Nghiêm chép: “Khiến cho các chúng sanh xa lìa các Khổ gông cùm tra khảo ở đường vua Diêm-la”. Lại nói: “Khiến cho các chúng sanh xa lìa khổ đau nơi bốn đường ác là địa ngục-ngạ quỷ-súc sanh và Diêm la vương”. Lấy văn này chứng minh cho nên khác nhau đặt ra tên Diêm La thú. Nếu theo Luận Du-già thứ hai, kiếp lúc mới thành đầy đủ rồi, có một hữu tình khởi lên nghiệp tạp nhiễm tăng thượng đọa vào trong Na-lạc-ca làm Tĩnh Tức. Đã nói đọa vào nơi đó, cho nên biết thuộc về nơi đó. Nay cho rằng không đúng. Nếu chấp nhận thuộc về nơi chốn đó thì phải theo nơi chốn đó nhận chịu khổ đau. Nếu nhận chịu khổ đau ở nơi chốn đó, sao có thể tránh trị nghiêm phạt hữu tình. Ở nơi chốn đó? Vì vậy Duy Thức hai mươi chép: “Vì sao không chấp nhận các thứ lịnh ngục dẫn dắt là thật sự hữu tình”? Vì không hợp lý, đọa vào nơi đó không thể thuộc về Na-lạc-ca, không

phải chịu khổ đau như hữu tình khác vốn nhận chịu, thậm chí tùy theo tự bản thân không thể chịu khổ đau như mặt đất bằng sắt nóng cháy hừng hực dữ dội - ngọn lửa thường xuyên cháy bùng, thì làm sao chúng sanh ấy có thể bức hại những kẻ khác? Vì điều này cho nên biết chẳng phải thuộc về nơi chốn kia. Nhưng Hoa Nghiêm chép: “Bốn sự khổ đau nơi đường ác và vua Diêm la” ấy là, lấy vua-tôi khác nhau chia ra làm một thú, căn cứ vào thực tế quý đường giống như đường Tu-la ở cõi trời có chia ra riêng luận Du-già nói” “Đọa trong Na-lạc-ca làm vua Tĩn Tức ấy là phân định đường như vậy”, Nên nói, phán định sanh trong Na-lạc-ca làm Tĩn Tức là hữu tình như vậy, thì trái với Duy Thức hai mươi và các kinh luận khác nói có đường quý.

Hỏi: Nghĩa đại trong phần nhân thành tựu, luận giải thích có tám, như văn nêu đầy đủ, nhưng chưa biết bỏ Quyền bày Thật. Đối chiếu Trung Luận chép: Chỉ ra hai thứ cảnh giới bí mật vì người đốn ngộ hay người tiệm ngộ?

Đáp: Theo đúng nghĩa tuy thông suốt nhưng ý căn cứ vào tiệm ngộ, vì sao? Bởi vốn vì các việc làm của Thanh-văn, muốn khiến cho nghe biết về pháp khó tin; nếu theo đốn ngộ chỉ ra cảnh giới bí mật, tức là khiến cho chọn lấy toàn bộ nghĩa thanh tịnh, đâu cần phải nói lại. Do đó đối với Thanh-văn khiến bỏ pháp Quyền xưa kia, nêu ra cảnh giới bí mật của Thanh-văn khiến cho giữ lấy Thật pháp hiện nay. Nêu ra cảnh giới bí mật của Bồ-tát, ở trên tuy chung nêu làm cho vui mừng, nhưng chưa tách biệt khiến cho tu tập về lý trí, ở dưới khiến cho tu chứng hai quả, có được trí quán xét lý phù hợp với văn.

Hỏi: Có chỗ nói nói ra hai thứ cảnh giới bí mật ấy, nghĩa là thối loa Đại pháp - đánh trống Đại pháp, nghĩa đó thế nào?

Đáp: Nơi kia nói phi lý, phi lý là vì sao? Luận nói hai câu nêu ra rõ ràng trống Đại pháp, nếu chọn lấy loa pháp tức là một câu trống Đại pháp chỉ rõ làm sao có thể nói là hai? Nếu nói chọn lấy câu trống Đại pháp và loa pháp kia nói hai câu chỉ rõ thì không bỏ trống Đại pháp, lại trình bày về nghĩa gì? Nếu nói Luận đó vốn nhắc lại lý của kinh so với đây khác nhau, nếu vậy thì văn trong luận tự sẽ giải thích kinh khác, đâu cần phải dẫn giải thích kinh Pháp Hoa này. Hướng hồ lại là Đại thừa căn bản không có bộ phận nào khác nhau về phẩm loại, chỉ một Phật nói ra không có hai kinh, chỉ thuận theo tám văn của Luận, làm sao có thể tự ý đo lường được? Có chỗ giải thích: Tám loại Sáu xa của A-hàm cũng giải thích chung vào trí tuệ. Nghĩa tuy có thể như vậy nhưng giải thích theo văn tám loại Sáu xa của Luận là cùng chung giải thích

về hai loại ấy, trái với Luận đã nói, như vẫn có thể biết.

Hỏi: Luận nói người đã sanh khởi kinh sợ khiến cho dứt trừ kinh sợ, là lợi ích cho hai thứ người, vẫn dưới lại nói bốn hạng người hối hận kinh sợ, đó là Đại Đức Xá-lợi-phất... Ta không trên chứng pháp Tiểu thừa tự dừng lại như vậy, tức là tâm hối hận này gọi là kinh sợ, ấy chính là kinh sợ trước kia, vì sao giải thích rằng không nói ra không có kinh sợ nói ra liền có kinh sợ?

Đáp: vì có Luận chép: nếu vì đó nói ra nghĩa là Đại đức Xá-lợi-phất... Ta không nên chứng... vì thế nói nói ra liền có kinh sợ. Còn như tâm nghi ngờ đã có mới cũ, hối hận ở đây cũng như vậy, vì muốn dứt trừ thay đổi nhân hối hận lại phát khởi hối hận. Lại trước tiên hối hận tu pháp Tiểu thừa, nay vì nói mới hối hận không sớm tu pháp Đại thừa cho nên giải thích không ngăn ngại gì. Nay thay đổi một cách giải thích hoặc có thể là Sớ vốn có lầm lỗi nên nói rằng hai: 1. Nói ra liền có kinh sợ. 2. Không nói ra thì không có kinh sợ. Vì Xá-lợi-phất nói nghe nói những pháp chưa nghe mà dứt trừ nghi ngờ hối hận nên giải thích này có sai lầm, vì không thuận theo kinh luận.

Lại hỏi: Kinh sợ có năm loại như kinh sợ quá lạ, sợ hãi lại có chê bai thấy đều khiến cho lui khỏi chỗ ngồi, tổn hại và điên đảo sao không rời khỏi chỗ ngồi?

Đáp: Nghe mà không bài bác cho nên có thể còn trên chỗ ngồi, tăng thượng khởi lên bài bác vì thế khiến cho rời khỏi chỗ ngồi.

Hỏi: Có tổn hại kinh sợ, nghe mà khôn bài bác cho nên khiến không rút lui, vì sao Luận nói nghĩa là có Thanh-văn chấp lấy cho rằng là Thật bài bác không có Đại thừa?

Đáp: Nghĩa là nghe tiếng chấp rằng Thật - bài bác không có Đại thừa ấy, căn cứ vào phạm phu xưa kia lần đầu nghe Tiểu thừa chấp là rất ráo, cho rằng không có Đại thừa, chưa từng nghe nói Đại thừa, khởi lên bài bác đây là có tổn hại bao gồm bác bỏ, liền đó nghe theo tu pháp Tiểu thừa cho là rất ráo, ta cuối cùng chọn lấy Niết-bàn như vậy, nay nghe Đại thừa đã tin tưởng không bác bỏ chỉ đắn đo không có phần chẳng thể tiến tu. Đã nghe chỉ một, thì cho rằng không có Thanh-văn đắc diệt trở về đạo. Nghi ngờ sanh ra nên gọi là Tổn, do đó kinh chép: “Nếu đệ tử ta thật sự đạt được quả A-la-hán- Bích-chi-Phật mà không tin kinh này thì không có việc đó”.

Hỏi: Đã không vì nói thì Nhị thừa định tánh còn ở chỗ ngồi hay không?

Đáp: Quả Bích-Chi-Phật nơi hội này chắc chắn không có, vì kinh

chỉ nói có câu Duyên-giác, Thanh-văn định tánh tuy không chính thức, hoặc có nhưng cũng không ảnh hưởng gì, mà khiến cho trở thành không ngu đối với pháp. Lại nếu nghe tuy tin đã không hồi tâm, lại còn tổn hại kinh sợ chẳng có cũng không sai.

Hỏi: Hai con hương về chỗ trâu-dê-hươu gọi là ra khỏi nhà, Thái tử hương về chỗ trâu nên cũng ra khỏi nhà hay sao?

Đáp: Nhị thừa hoặc là khổ không còn nên dê hươu gọi là ra khỏi nhà, kiếp ban đầu có lẽ hãy còn thực hành không được gọi là ra khỏi nhà.

Hỏi: Bồ-tát Địa tiền hoặc đang còn khổ không được gọi là ra khỏi nhà, Sơ Địa trở lên hoặc khổ đang còn cũng tùy đó chẳng phải ra khỏi nhà ư?

Đáp: Phân biệt hai chương Sơ địa dứt trừ được lìa xa Phần Đoạn gọi là ra khỏi nhà.

Hỏi: Nếu vậy thì Sơ địa thọ nhận Biến dịch được lìa bỏ Phần đoạn gọi là ra khỏi nhà, Biến dịch Địa thứ tám thọ nhận, bảy Địa trước chưa rời xa chẳng phải ra khỏi nhà hay sao?

Đáp: Trước Bảy địa trước có khả năng xa lìa Phần Đoạn, tuy chẳng phải Biến dịch nhưng gọi là ra khỏi nhà. Nếu vậy thì ba quả có khả năng xa lìa Phần Đoạn, ba quả ban đầu lại gọi là ra khỏi nhà? Đáp: Bồ-tát Sơ địa cố gắng có khả năng bi tâm không chịu gọi là ra khỏi nhà, người ở ba quả trước xa lìa bất định chẳng phải như vậy cho nên lưu lại không ra khỏi nhà. Nếu như vậy thì ba quả trước chưa thể hồi hương Đại thừa không nhận chịu Biến dịch chẳng phải ra khỏi nhà. Bất định hồi tâm chịu Biến dịch có thể xa lìa Phần đoạn gọi là ra khỏi nhà ư? Đáp: Căn cứ vào hồi tâm ấy, đã nhận chịu Biến dịch được gọi là ra khỏi nhà. Nếu vậy thì người ở ba quả ban đầu chẳng lẽ được gọi là ra khỏi ba cõi khổ đau-đầy đủ ba minh và sáu thần thông hay sao...? Xuống dưới phẩm thứ hai nói: “Nếu tâm quyết định đầy đủ ba minh và sáu thần thông, có được Duyên-giác Bồ-tát bất thối .” Trường hàng lại nói: “Nhìn thấy các chúng sanh, theo cửa ngõ Phật giáo, vượt ra khổ ba cõi”. Đáp: Các văn loại là nói theo quyết định, Hữu học hồi tâm và chịu Biến dịch đều là bất định cho nên không ngăn cách gọi là vượt ra. Nếu không như vậy thì nên không đòi xe, nếu chưa đòi xe thì làm sao cho ký cho? Nếu nói ở trong nhà cũng được lấy xe được thọ ký thì được xe tức là cũng nên Hữu học cưỡi xe ra khỏi nhà, nếu vậy thì trở thành Hữu học hơn Vô học vì trong nhà được xe. Nếu nói Hữu học chưa gọi là được xe, nói Vô học cho nên được thì vì sao nói Vô học được thọ ký liền gọi là đòi xe ban

cho xe, Hữu học được thọ ký không gọi là đòi xe ban cho xe. Nếu nói hoặc khổ đang còn cho nên không được gọi là đòi xe ban cho xe, địa thứ bảy về trước cũng nghĩ như vậy. Hỏi: Trong Thích Già, theo đúng Luận chép: “Không có nhị thừa ấy là không có Niết-bàn nhị thừa, vì chỉ là không có Niết-bàn, hay vì hạnh quả... cũng lại chẳng phải có? Đáp: Có nơi nói: “Trí năng chứng - chứng lý sở chứng, đã không có hai Niết-bàn, rõ ràng cũng không có hai trí, hai trí đã không có nên cũng không có hạnh, hạnh nhờ vào giáo mà phát khởi, cũng không có giáo riêng cho nên nói ra một mưa bình đẳng. Như thật nghĩa ấy thì không thể như vậy, chỉ là không hai lý, vì chỉ một chân như, chỉ riêng đại Niết-bàn. Các văn trên dưới chỉ nói Pháp thân không sai khác, lại nói Pháp Thể nào nếu chỉ riêng thể Nhất thừa, thể Nhất thừa: nghĩa là Chư Phật Như-lai bình đẳng về Pháp thân, Thanh-văn, Bích Chi Phật chẳng phải Thể bình đẳng về Pháp thân kia, vì nhân-hạnh-quả-quán không như nhau. Đã nói vì nhân-quả-hạnh-quán không như nhau, rõ ràng trí-hạnh đều khác nhau. Lại ở trước nói pháp ba thừa kia chỉ danh tự trên hai chương cú nói ra chẳng có thật nghĩa, vì thật nghĩa đó không thể nói ra. Lại, lý vô vi Thể là một không có trí hạn riêng v.v... làm sai biệt vì Thật là một, phương tiện là biệt.

Hỏi: Đã nói thật được quả A-la-hán không tin vào pháp này, thì điều ấy không có, làm sao có thể tổn hại kinh sợ?

Đáp: Nay nói thật sự đạt được là y cứ vào hồi tâm, cho nên phẩm thứ hai chép: “Nay chúng ta đã chân thật là con Phật”, lại nói “A-la-hán chân thật”, rõ ràng xưa kia chưa hồi tâm thì chẳng phải chân thật là con Phật-chẳng phải chân thật A-la-hán, bất định đã như vậy, định tánh cũng như vậy, cho nên tự tên gọi là chẳng phải hai Thánh chân thật. Nếu vậy được tên gọi tăng thượng mạn, không lập ra như vậy sao thất lạc không có văn giải thích - nên lẫn lộn ư? Không có văn nói, mà xét theo phạm tăng thượng mạn, đặc định thế gian cho rằng đặc vô lậu gọi là tăng thượng mạn, chỉ là rõ ràng phần giải thoát nhỏ chưa hoàn toàn được giải thoát. Lại, chưa được Pháp thân mà tự xưng hô nói là với các Như-lai cùng ngồi trên ghế giải thoát... tuy không có phiền não là chướng sở tri, tuy không ngăn cách với kia nhưng có thể gọi là Mạn. Nếu không như vậy, thời gian ban đầu chưa tin về sau có thể tin, đều không có điểm này, tăng thượng mạn cũng như thế, trừ ra sau khi Phật diệt độ do hoàn tất giáo hóa đạt được. Tuy giải thích như vậy nhưng không bằng cách giải thích trước đây. Trước giải thích tổn hại kinh sợ, nếu không hồi tâm, nghe cũng không chê bai, vì thế thuận theo văn này.

Hỏi: Vì sao kinh chép: “Ta biết chúng sanh này chưa hề tu nghiệp thiện căn bản”. Kinh này đối với người lui sụt Bồ-đề. Trước nói: Nay trong hội này những vị như chúng ta sánh bằng trăm ngàn muôn ức đời kiếp đã tu hội thuận theo Phật được giáo hóa. Phẩm thứ hai chép: “Ta có thể đối với hai muôn ức cõi Phật vì vô thượng đạo cho nên thường giáo hóa các ông”?

Đáp: giải thích bằng hai cách: Một là nói tạm căn cứ theo chẳng phải lui sụt, bắt đầu dựa vào Tiểu thừa nói là chưa tu thiện: Một nói giả thiết đã từng tu Đại thừa, chẳng phải hạ tầng thượng mạn chưa thành tựu vị định gọi là chưa tu gốc lành, chẳng phải người hoàn toàn không tu.

Hỏi: Là dựa vào đời này hay nói chung nhiều đời?

Đáp: Nói chung nhiều đời - nhiều đời sở hóa chẳng lẽ có thể nói ta gặp nói ra? Nếu Phật hóa khác cũng nói là Ta, không chỉ riêng đời này, nghe liền đạt được Thánh chứng Tiểu quả, ba đời rất nhanh, như Thu Tử v.v... trải qua sáu mươi kiếp, đâu chỉ đời này bắt đầu giáo hóa Tiểu thừa ư? Nếu như vậy vì sao phẩm thứ hai chép: “Lần đầu nghe Phật pháp, gặp liền tin nhận”? Đáp: Nói lần đầu nghe cũng thông suốt lời nói mà thôi, chưa hẳn xác định hiện nay. Nếu như vậy vì sao nói “con vốn mê đắm tà kiến làm thầy, các Phạm chí - Thế tôn biết tâm Ta nhỏ sạch tà kiến nói về Niết-bàn?” Đáp: Tạm thời dựa theo đời này không chỉ có nay nghe liền ngộ được Tiểu thừa, lại giải thích ở đây dựa vào giáo hóa thật ra không phải như vậy.

“Ta dùng mắt Phật quán sát”: Phật có năm mắt nói là mắt Phật quán sát, năm mắt này đại khái chia làm năm môn: 1. Nêu ra thể. 2. Giải thích tên gọi. 3. Được người. 4. Phế lập. 5. Thâu nhiếp lẫn nhau. Thứ nhất nêu ra Thể: Tạm thời về Nhục thiên nhân thì các tông giải thích khác nhau mở rộng như nơi khác phân rõ, nhiều nên không thuật lại đầy đủ, chỉ dựa vào Đại thừa tự tông đã giải thích, có khi dùng hạt giống nhân thức gọi là nhân, vì thế Duy Thức quyển hai mươi: “Thức thuận theo hạt giống của mình sanh ra, tựa như cảnh tượng mà chuyển sang làm thành nội-ngoại xứ”, Phật nói loại có mười, có khi dùng sắc chủng gọi là nhân căn. Luận Quán Sở Duyên Duyên chép: “Thức trên sắc công năng gọi là năm nhãn, thuận theo lý công năng và cảnh sắc từ vô thủy làm duyên lẫn nhau”. Có chỗ nói nghiệp chủng nhân căn năng cảm gọi là nhân căn. Thành Duy Thức chép: “Có tránh né sai lầm như trước đã nói cũng khó rõ ràng, lại càng chấp thêm” lại bào chữa rằng: “Nghiệp chủng trong thức gọi là năm sắc nhãn ba nói trên đây đều

không đúng nghĩa. Đối Pháp - Ngũ Uẩn - Du-già đều nói: Thể tánh nhục nhãn lấy bốn đại chủng tạo nên tịnh sắc nên làm nhãn căn, trong đó nói có ba: 1. Nói là hạt giống. 2. Nói là hiện hành. 3. Gọi là chung cả hai. Giải thích như vậy là đúng, vì thế Luận Ngũ Uẩn chép: “Nhãn căn là thể nào? Đó là bốn đại chủng tạo thành và là sở y của nhãn thức, lấy sắc làm cảnh cho nên có cả hạt giống, hiện hành, Thể của nhãn căn cõi trời do Định khởi lên bốn đại chủng tạo thành tịnh sắc làm tánh.” Đây là chung cho quả. Do đó Bát-nhã Luận chép Vô Trước Bồ-tát : “Vì gọi là thuộc về sắc, thuộc về sắc lại có hai, đó là Pháp quả và Tu quả. Pháp quả tức là Nhục (nhãn), tu quả tức là Thiên (nhãn)”, Pháp là tên gọi chung, tức là nghiệp năng cảm nhãn là quả này, tuy biết gọi chung là nhục mà chỉ có được tên gọi, như nói Sắc xứ. Tu quả nghĩa là Định nhờ vào tu mà phát khởi nên gọi là tu quả. Tuệ nhãn, pháp nhãn đều lấy tuệ làm tánh, vì duyên theo chân, duyên theo tục hai cảnh khác nhau, cho nên Vô Trước Bồ-tát Bát-nhã Luận chép: “Đệ nhất nghĩa để hợp với Thế đế thâm nhiếp, còn trí lực của Đệ nhất nghĩa trí, do Thế trí không diên đảo chuyển thành, là một tuệ, ngoài ra dựa theo phần dụng của cảnh, mắt Phật tức là lấy bốn nhãn trước làm tánh”. Trí độ Luận chép: “Ví như bốn dòng sông chảy đến nơi biển cả tập hợp lại gọi là hồ cõi trời, bốn nhãn trước ở trong thân Phật thì gọi là mắt Phật”. Nếu theo đúng Bát-nhã Luận Vô Trước Bồ-tát giải thích thì như vậy hậu trí của Phật gọi là mắt Phật.

Luận chép: Nhất thiết chủng thuộc về nhất thiết ứng trí thâm nhiếp. Lại nói: “Trong nhất thiết ứng trí thì nhất thiết chủng vô công dụng Trí gọi là mắt Phật”. Trong Luận Trí Độ căn cứ theo chung nêu Thế, trong Bát-nhã Luận căn cứ biệt nêu thể. Lại trong Luận Bát-nhã nói bốn thứ trước căn cứ theo Nhân còn mắt Phật dựa theo quả thì không như vậy, quả Phật há có nghiệp cảm dị thực của nhãn căn hay sao? Còn hậu trí của Phật há căn cứ vào bốn trí mới không thể chuyển ngược lại và tùy ý khởi? Hoặc giống như Trí Luận, chung gọi là mắt Phật, vì trí ưu việt cho nên gọi chung là Trí. Nếu như vậy vì sao nói trong Nhất thiết chủng ứng trí thì Nhất thiết chủng vô công dụng trí? Chắc chắn điều này chính là nghiêng lệch chọn lấy hậu trí gọi là mắt Phật, cho nên cách giải thích trước là hơn.

Thứ hai giải thích tên gọi: 1. Chung. 2. Riêng. Gọi chung là Nhãn: Tiếng Phạn nói là Bát-già Chước Sô, Bát-già Hán dịch là ngũ, Chước Hán dịch là Hành tận, nghĩa là giống như đi chợ các thứ đồ vật đều có thể thấy hết cho nên nói là Hạnh Tận. Dựa theo nghĩa này mà dịch là

Nhãn, chẳng phải là phiên dịch đúng tiếng Phạm ra gọi là Nhãn. Nhãn với nghĩa soi sáng chăm chú nhìn. Ngũ (5) ấy là số hàm chứa chủ định giải thích.

Giải thích về tên gọi khác nhau: Nhục nghĩa là sắc dị thực của nghiệp, Nhục tức là Nhãn, trì nghiệp là tên gọi, tự tại sáng sửa thuần khiết công dụng thần diệu gọi là Thiên, tên gọi là Thiên tuy chung cho cõi Dục-sắc và cõi Vô-sắc nhưng ý chỉ nói về trời cõi Sắc, mắt của trời cho nên dựa vào người có đức hạnh làm nhân, hoặc chính là Định quả sáng sửa thuần khiết gọi là Thiên, Thiên tức là Nhãn theo trì nghiệp thích. Cách giải thích này có quá mức, còn so với Luận Trí Độ giải thích có phần trái ngược nhau. Luận kia nói Thiên có thiên nhãn cho nên không phải chính là Nhãn, soi chiếu rõ ràng gọi là Tuệ, Tuệ tức là Nhãn, cũng theo trì nghiệp thích. Pháp tức là cảnh, mắt của duyên theo Pháp gọi là Pháp nhãn, là căn cứ duyên theo Tuệ v.v... gọi chung là Pháp, ngoài ra đều là khác nhau duyên theo. Đây có thể là duyên theo chung. Lại, duyên theo giáo pháp, đây chỉ gọi là pháp nhãn Phật gọi là Như thường, mắt của Phật gọi là mắt Phật, là y chủ thích.

Thứ ba được người: Hữu tình hai cõi Dục và Sắc đều có nhãn. Như Thiên nhãn đó, từ sáu tầng trời cõi Dục cho đến trừ Châu-cô-lô ở phía Bắc người đạt được bốn thứ tĩnh tự Định căn bản thì có thể phát khởi Thiên nhãn, vì vậy chấp nhận được chung. Nhị thừa có Tuệ nhãn, vì soi chiếu lý Sanh-không. Tuy cũng đạt được Pháp nhãn nhưng vì nhỏ bé thấp kém cho nên không nói đến thành tựu kia. Bồ-tát có Pháp nhãn, vì có chủng trí, do đó có thể duyên với tất cả. Phật có mắt Phật, hiển bày lẫn nhau có thể biết. Lại, thành tựu những gì sau cuối chắc chắn đạt được những gì ở trước đó, hơn có thể bao gồm xấu kém, người kém thể thành tựu trước đó. Thành tựu những gì trước đó cũng không hẳn nhất định có thể thành tựu đối với những gì sau cuối. Luận Trí Độ chép: “Thiên có thiên nhãn, nhị thừa có tuệ nhãn, Bồ-tát có pháp nhãn”.

Hỏi: Nếu Phật có pháp nhãn thì được gọi là mắt Phật, Bồ-tát có pháp nhãn phải gọi là Bồ-tát nhãn phải không?

Đáp: mắt Phật chỉ Phật mới có, từ Phật để đặt ra tên gọi; pháp không chỉ Bồ-tát, từ cảnh gọi là pháp nhãn, ngoài ra theo đó mà biết.

Hỏi: Pháp không chỉ Bồ-tát nên không gọi là Bồ-tát nhãn, Thiên nhãn không chỉ trời mới có sao được gọi là Thiên nhãn? Lại, Thiên nhãn không chỉ trời mới được mà gọi là Thiên nhãn, Nhục nhãn không chỉ loài người phải được gọi là Nhân nhãn chứ?

Đáp: Nhục là chung, cho báo quả, của các đường không chỉ gọi

riêng Nhân nhân, trời chỉ thuộc về pháp, của trời kia nên gọi là Thiên nhân.

Hỏi: Pháp chung cho đối với Phật có hay không thể gọi là Bồ-tát nhân? Thiên chung cho các chúng thành tựu sao chỉ có một Thiên nhân?

Đáp: Phật đều cũng là Thiên tên gọi tất cả cho nên gọi là Thiên nhân, người tuy phát khởi từ thiên kia nhưng thuộc về Thiên gọi là Thiên nhân. Lại, chỉ là danh tự giả định đặt ra đâu cần một nhọc gạn hỏi, nếu có làm nhiều điểm chung, cuối cùng lại gặp trở ngại vả lại, tất cả cũng đều y cứ nghĩa mà đặt tên thôi.

Thứ tư phế lập: Vì sao chỉ riêng đặt ra năm thứ mắt không hề thêm bớt vậy? Đáp: Tất cả các pháp lược có hai thứ: 1. Sắc pháp. 2. Phi sắc pháp. Trong Sắc pháp có hai loại: Một. Hiển hiện sắc gần. Hai. Giấu kín sắc xa. Biết hiển hiện sắc gần cho nên đặt ra nhục nhân, biết ẩn giấu sắc xa xôi cho nên đặt ra Thiên nhân. Hoặc trong sắc căn có nghiệp định tán khác nhau, nhân của quả nghiệp phân tán đặt ra Nội nhân, định phát khởi nhân lập thành Thiên nhân, xấu kém và tốt đẹp không như nhau cho nên chia ra hai loại. Vì thế Luận Vô Trước chép: “Gọi là pháp quả tu quả đây là năm thứ mắt, cảnh giới thô cho nên thuộc về sắc ban đầu, trong Phi sắc pháp có cảnh lý-sự, vì hiểu rõ cảnh lý cho nên đặt ra Tuệ nhân, vì hiểu rõ cảnh sự cho nên đặt ra Pháp nhân”. Lại, tuy là một trí nhưng bốn trí-hậu trí khác nhau cho nên lập thành hai loại: Do đó Luận của Vô Trước chép: “Đệ nhất nghĩa đế thuộc về Thế đế” Lại lấy quả đối với nhân lập chung mắt Phật. Vì thế bốn mắt trước đó của Trí Luận nếu đến quả Phật gọi chung là mắt Phật. Hoặc căn cứ theo người đạt được chia ra năm loại, suy nghĩ theo đây có thể biết. Phế lập tuy như vậy nhưng thứ lớp như thế nào? Đáp: Lấy sự xấu kém và tốt đẹp đó để dẫn sinh thứ lớp. Đối với sắc nhục nhân kém nhất, chỉ thấy sắc rõ ràng, thiên nhân kế là trội hơn, nhìn thấy chung cả sắc che kín - hiển bày cho nên kế là nói về Nhục. Đối với phi sắc do liễu chân đế tục trí không là một, lại liễu Tục do chứng Chân cho nên nói là Hậu Đắc vì Tuệ trước Pháp sau. Trước nhân sau quả cho nên kế là mắt Phật. Vì thế Luận Vô Trước chép: “Đây là năm loại mắt, cảnh giới thô phù cho nên là sắc ban đầu.” Y theo Đệ nhất nghĩa trí lược nên Thế trí không xoay chuyển điên đảo, vì thế cho nên Đệ nhất nghĩa xếp ở trước.

Thứ năm là thâm nhiếp là: Theo Luận Du-già chép: nhân có ba loại, Kinh Hoa Nghiêm nói: “Nhân có mười loại”. Các tên gọi thâm nhiếp nhau, đều giống như Số có phân rõ. Nếu Du-già quyển ba lập từ

một đến mười một và thâm nhiếp điểm này. E rằng rườm rà nên không kể ra, người muốn xem rộng hãy tìm trong văn kia.

Hỏi: Kinh chép: “Bồ-tát nghe pháp này lười nghi đều đã được xé tan, một ngàn hai trăm vị La-hán biết cũng sẽ thành Phật”. Trong hai nghi ngờ của Bồ-tát nay dứt trừ loại nào?

Đáp: Cả hai đều dứt trừ. Người khác biết tự mình được thành Phật, cũng không nghi ngờ người khác không được thành Phật, vì sao biết được? Đáp: Chỉ riêng Luận Thích thí dụ - Thứ ba là phá bỏ người thường cầu Đại thừa chấp rằng không có Nhị thừa cho nên nói ra hai thí dụ.

Hỏi: Nghi ngờ của Bồ-tát dứt trừ biết được thành Phật sao không thụ ký?

Đáp: Thanh-văn lâu nay học Tiểu thừa, tuy tin tự mình được thành Phật nhưng e rằng chưa quyết định, khiến cho tâm được quyết định vì thế thọ ký cho. Bồ-tát trước đây không học Tiểu thừa, nhưng sợ rằng các vị đó lui sụt nghe nói về Nhất thừa biết là không có Tiểu thừa riêng, liền an trú nơi Đại thừa quyết định do đó không cần thọ ký. Lại, cũng thọ ký cho. Trước nói không một ai chẳng thành Phật, tức là toàn bộ thọ ký cho thọ ký sao không riêng? Đáp: Vì lược nên thích hợp nghe khác nhau.

Hỏi: Đã nói một ngàn hai trăm vị La-hán biết cũng sẽ thành Phật, tự biết sẽ thành Phật hay là không biết chẳng? Nếu là tự biết thì một ngàn hai trăm vị phải cùng với Thu Tử trong một lúc được thọ ký, vì sao nói về Hóa Thành xong mới sanh khởi tâm hiểu rõ bắt đầu thụ ký cho?

Đáp: Có hai cách giải thích - Một nói rằng biết được nhưng chưa hứng thú hưởng về, vì ưa thích Tiểu thừa, nghe nói về Hóa Thành mới hiểu ra xả bỏ Tiểu thừa, mới thụ ký cho. Hai nói rằng chưa biết nhưng Đức Phật nói người kia sẽ thành Phật, nghe châu thứ ba hoàn tất mới bắt đầu lãnh ngộ.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát nghe liền dứt trừ nghi ngờ biết được thành Phật, một ngàn hai trăm người tự mình chưa thể biết, chỉ là Đức Phật nói ra?

Đáp: Vì Lợi - độn khác nhau, Thu Tử là lợi căn một lần nghe còn hiểu rõ, Bồ-tát hơn hẳn cho nên lập tức dứt trừ nghi ngờ, một ngàn hai trăm vị là độn căn cho nên chưa thể hiểu được.

Hỏi: Theo phẩm Phân Biệt Công Đức nói: “Nếu nghe hể Thọ lượng, công đức ở nơi Bồ-đề vô thượng mà lui sụt thì không có việc ấy”. Các bậc như Xá-lợi-phất v.v... trong quá khứ từng nghe kinh Diệu Pháp Hoa, như ở hội Phật Đại thông v.v... vì sao còn cùng lui sụt?

Đáp: Giải thích có hai cách. Một là nói rất ráo lui sụt ấy là quyết

không có điều này, giả sử có lui sụt cũng trở lại phát sanh. Hai là nói y cứ vào lợi căn hơn hẳn, hoặc y cứ theo sự lãnh ngộ. Nói về chín thứ thanh tịnh. Hiền Dương thứ ba nói: “1. Thi la thanh tịnh, thiện trú Thi la, cho đến đối với tội nhỏ thấy rất kinh sợ chịu học hỏi học xứ. 2. Tâm thanh tịnh dựa vào giới thanh tịnh cho nên an trú trong bốn tĩnh lực. 3. Kiến thanh tịnh, dựa vào tâm thanh tịnh do đó đạt được trí lậu tận, hiện quán các đế. 4. Độ nghi thanh tịnh, dựa vào kiến giải thanh tịnh nên đối với Phật - Pháp - Tăng không mê hoặc không nghi ngờ. 5. Đạo phi đạo trí kiến thanh tịnh, dựa vào độ nghi thanh tịnh cho nên đạt được trí kiến tuyệt diệu, biết đạo Đức Phật nói ra có thể xuất ly, đạo mà ngoài đạo nói ra không thể hết khổ. 6. Hành trí kiến thanh tịnh, dựa vào đạo - chẳng phải đạo trí kiến thanh tịnh cũng đạt được thanh tịnh diệu cho nên trí Kiến trí. Đạo xuất ly có thượng - trung - hạ, nghĩa là khổ đau chậm chậm thuộc về thông hành... 7. Hành đoạn trí kiến thanh tịnh, dựa vào hành trí kiến thanh tịnh cho nên đạt được diệu trí thanh tịnh, nghĩa là mình phải dứt trừ hành bậc hạ-trung trở lại để phát khởi Thánh hạnh tuyệt diệu bậc thượng. 8. Vô dư vắng lặng thanh tịnh, dựa vào hành đoạn trí kiến thanh tịnh chứng được vô dư, các lậu dứt hẳn không còn. 9. Cõi nước thanh tịnh, nghĩa là Chư Phật có khả năng công đức vô thượng đó, thị hiện có thể chỉ ra cõi nước trang nghiêm không thể nghĩ bàn, nghĩ về cõi Phật hết sức thanh tịnh, nghĩ về Bồ-tát vô cùng thanh tịnh, cho đến nghĩ về quyến thuộc”.

Hỏi: Nhà lửa dụ cho Xá-lợi-phất thỉnh cầu vì một ngàn hai trăm người tức đều là vô học, vì sao Thích Luận nói là hữu học đầy đủ tánh phiền não của chúng sanh?

Đáp: Có hai cách giải thích: Một nói bàn luận về ban đầu nói ra Quyền không phải vì phạm phu, nay dùng thí dụ biểu hiện cho nên nói là đầy đủ tánh phiền não, tức là luận về ý xưa do đó không trái nhau. Hai là nói theo Thanh-văn thỉnh cầu, chính là vô học gần kề có đủ hữu học, căn cứ theo gần kề nói là phạm phu, vô học văn lộ rõ, luận lược bớt không giải thích, không như thế, tông chỉ kinh này trình bày về Nhất thừa, làm thế nào phẩm Dược Thảo chép: “Khiến cho biết thừa khác nhau, vì thế nói về các thứ Thừa, dựa vào Hữu học Thanh-văn khiến cho hướng về Đại thừa”? Văn biểu hiện có thể biết, vì thế lược bớt không dẫn ra.

Hỏi: Thế của xe dê xe hư đích thực chọn lấy pháp nào?

Đáp: Theo các nhà chú sớ giải thích: Chọn lấy Nhị thừa vô học đạo giải thoát - thế gian định tâm sau là chỉ khổng. Đây là xe của chúng

trí, dẫn dắt các con khiến cho vượt ra tâm thế gian này, thật sự không thể nào hiểu rõ tất cả các pháp đó nên ra cửa không được, có thể chốc lát tu nghĩa gọi là đòi xe. Vì thế luận nói người thứ nhất ấy ban cho công đức Tam-muội các thứ gốc lành thế gian khiến cho họ đi lại chơi đùa, về sau khiến cho vào Đại Niết-bàn. Nếu như vậy vì sao xuống dưới hợp với dụ nói là Thừa? Ba thừa này dùng vô lậu - căn lực - đường đạo - thiền định... mà tự mình vui chơi sung sướng hay sao? Đáp: Đó là vật dụng trang nghiêm của Thừa này, lại trong thân vô lậu vốn có các pháp cũng gọi là vô lậu. Nếu như vậy thì xe trâu cũng phải như thế sao? Đáp: Vì rất ráo kia, là thật đức, vì đây là hư chỉ, cho nên chẳng phải rất ráo. Nếu vậy thì hữu lậu há gọi là ra khỏi nhà ư? Đáp: Vượt ra Phần đoạn nên gọi là ra khỏi nhà. Lại giải thích tức là chỉ cho quả vị vô học đã đạt được vô lậu phát sanh trí là xe dê - xe hươu. Xuống dưới nói tự tại không hệ lụy không dựa vào mong cầu không còn lậu căn v.v... Nếu vậy làm thế nào ra khỏi cửa đòi xe để được biết? Đáp: Vì chỉ ra trí này tạm gọi là chủng trí, vì hạng này không thể hiểu rõ tất cả các pháp, nên tiếp tục tu tập, nghe nói rằng đòi xe. Nếu như vậy làm thế nào gọi là thế gian? Đáp: Vì duyên theo sự việc thế tục bình thường, vì trí thấp kém nên gọi là thế gian. Nếu vậy là đối với xe mà nói, còn nói thành nên chọn lấy chân lý, vì sao Luận nói thành Niết-bàn là thành các thiền Tam-muội? Niết-bàn đã chọn lấy thành thiền Tam-muội, Bồ-đề vì sao chọn lấy hậu trí thế gian. Lại, cho Nhị thừa vô lậu về sau đạt được không thể khởi thông suốt hiểu biết các pháp sao gọi là khiến cho chơi đùa vì thế trước đó nói là thiện. Hỏi: Ngoài cửa đòi xe là người ba thừa, hoàn toàn đòi xe là chỉ riêng Nhị thừa sao? Đáp: Có hai cách giải thích: Một nói tất cả ba thừa đều tìm, vì vẫn không lựa chọn, do người đức hạnh xưa kia... nói ra cho nên nói là các con. Hai nói chỉ riêng nhị thừa đòi chẳng phải Bồ-tát. Vì sao? Vì nhà cửa dụ cho phần đoạn. Được vượt ra phần đoạn đều thuộc về ra khỏi nhà nhị thừa ra khỏi nhà đắc quả Vô học, Bồ-tát ra khỏi nhà ở nơi Sơ địa, Nhị thừa vô học chưa được chủng trí nên có thể tu học gọi là đòi xe. Sơ địa trở lên được xe chủng trí cho nên không cần đòi. Nếu vì tu học mà gọi là đòi xe, thì Thập địa đều tu, cho nên thường đòi. Nếu vậy thì Bồ-tát chẳng ai không lên xe, làm sao có thể nói rằng cỡi xe đi lại chơi đùa? Lại, Luận nói trước đây khiến cho nhập Bất thoái địa thị hiện ban cho vô lượng Trí nghiệp Sơ địa trở lên tức là đạt được trí nghiệp, tuy biết tu học nhưng kinh không nói đòi xe mà nói cỡi đi dạo chơi. Nhị thừa ra khỏi nhà chưa đạt được chủng trí, chưa đến Sơ địa có khả năng tu học, gọi là đòi xe. Lại, luận nói người thứ nhất đó ban

cho công đức Tam-muội các thứ gốc lành thế gian khiến cho họ đi dạo chơi, về sau khiến cho đi vào thành Đại Niết-bàn. Vì ban cho trời người nghiệp thiện thế gian, chưa đạt được chân thật, đáng phải nói là đòi. Bồ-tát không hưởng về xe dê - xe hươu, Sơ địa trở lên đạt được chân thật, cho nên Bồ-tát không đòi. Hoặc có nói nói: Sơ cơ hư chỉ cho nên xe cần phải đòi. Hoặc nói trong nhà nghe có ba, ngoài cửa nhìn thấy một chẳng biết ai là người biết một. Vì thế cho nên cần phải đòi... đều chẳng phải chân thật nói ra.

Hỏi: Đã là Bồ-tát không đòi xe được gọi là ra khỏi nhà, ngồi hay không?

Đáp: Nói ra khỏi nhà ngồi, chỉ dựa theo Nhị thừa học rất ráo, lia hết chướng, tâm yên nghĩ, kiến lập quả. Người Bồ-tát học chưa ráo, vì chưa lia hết chướng, không thể kiến lập quả, vì tâm không yên nghĩ, do đó không được nói: “Ngồi giữa đất trống”. Nếu tuy phân biệt là ngồi giữa đất trống, thì người ở ba quả trước cũng nên như vậy. Nếu như thế nghĩa là hữu học cũng gọi là ra khỏi nhà ngồi. Vì sao trong hợp dụ ở dưới nói theo cửa Phật giáo vượt ra khỏi ba cõi, kinh sợ con đường nguy hiểm đạt được niềm vui Niết-bàn? Còn giải thích về Bồ-tát cũng được gọi là ra khỏi nhà ngồi, tuy không yên nghĩ cho đến không hạn định quả, nhưng dùng trí yên ở cũng được gọi là ngồi. Khả năng điều phục hoặc nghiệp cho nên vượt ra phần đoạn vì thế gọi là ra khỏi ba cõi, nói ở chỗ đất trống không ngại gì. Nếu thế thì ba quả cũng thuận theo như vậy thừa nhận cũng không sai, lấy bỏ tùy ý.

Hỏi: Ba xe ngoài cửa tìm ra mà thể xe này có nhiều điểm không giống nhau, xưa giải thích tức là Niết-bàn, nay nói chính là chọn lấy hậu đắc chánh trí, chọn lấy Niết-bàn mà làm thể xe, kinh luận có văn bản rõ ràng. Kinh kết hợp nói muốn nhanh chóng vượt ra ba cõi tự cầu Niết-bàn, như các người con kia vì cầu xe dê vượt ra khỏi nhà lửa. Luận nói về sau đi vào thành Niết-bàn cho nên chọn lấy Hậu trí mà làm ba xe, lại y cứ theo văn nào?

Đáp: Cũng là kinh luận có văn bản rõ ràng, hươu dê gọi là Hậu trí.

Luận chép: Người thứ nhất ấy dùng phương tiện công đức Tam-muội các thứ gốc lành của thế gian này khiến cho chơi đùa, sau đạt được khiến cho đi vào Niết-bàn. Đã nói công đức Tam-muội các thứ gốc lành, rõ ràng chẳng phải Niết-bàn. Hợp với xe trâu nói cầu Nhất-thiết-trí - Phật trí - tự nhiên trí - vô sư trí - Như-lai trí kiến thương xót an vui... rõ ràng chẳng phải Niết-bàn. Hỏi: Cùng có thành trì văn làm thể

nào chọn lấy cho đúng? Đáp: Chọn lấy trí là chính đáng. Nếu vậy thì văn trước làm sao giải thích? Đáp: Tướng Niết-bàn cho nên gọi là Niết-bàn, còn cầu xe dê-hươu là Niết-bàn, không lấy Niết-bàn hợp với xe dê hươu. Nếu như vậy thì nơi khác cũng giải thích rằng: Vì tánh tri kiến, vì tánh Tam-muội cho nên gọi là tri kiến... lý thật là Niết-bàn, đây lại sai chỗ nào? Đáp: Vì trái ngược nhiều văn. Hợp với xe hươu kinh chép: “Ưu một mình thiện vắng lặng sâu biết nhân duyên các pháp”. Hợp với xe trâu nói mãn niệm an lạc độ thoát trời người. Lại nói: Ta lấy các căn lực vô lậu tự làm cho vui sướng. Lại nói: “Ta có xe lớn bảy báu như vậy số đó vô lượng, cần phải tâm bình đẳng tất cả đều phải ban cho, không nên sai khác”. Nếu là Niết-bàn há nói vô số tất cả đều ban cho hay sao? Nếu nói chân như tuy một nhưng thiết lập bảy loại, hoặc là mười Như... căn cứ vào năng chứng nói rằng có vô lượng và tất cả đều bình đẳng đây tức là lỗi gì mà không đúng? Nói trí làm xe, lý là Bảo Sở, điều này có trái ngược gì? Chung nói là lý. Nếu chỉ chọn lấy lý tức là thiếu sót Bồ-đề, nay là chọn lấy trí, trí đoạn đầy đủ hướng gì lại thứ nhất trước đây nói rất ráo khiến cho đạt được nhất thiết chủng trí. Lại, Luận nói khiến cho nhập Bất thoái địa để thị hiện ban cho vô lượng trí nghiệp. Còn kinh chép: “Nếu như đạt được pháp - định tuệ lực trang nghiêm? Lại nói: “Phật chủng tử duyên khởi”. Lại nói: “cưỡi xe báu này thẳng đến đạo tràng”. Lại nói: Cưỡi xe báu dạo chơi ở bốn phương”. Lại nói: “Căn lực v.v... các công đức pháp”. Lại nói: “Ta nay vì ông tạo tác xe này? Vì thế lý dụ cho Bảo sở. Trước kia có chẳng phải làm ra, có vì tu phát sinh cho nên nói là tạo tác... không thể nói hiểu rõ, Hóa Thành tuy lý cũng nói tạo tác, không ở đó chỉ tạo tên gọi mà không có thật thể. Xe trâu đồng thì các người con kia nên bỏ. Nếu chọn lấy thật lý không nói đến tạo tác rộng ra có nhiều chứng cứ, rất nhiều không dẫn ra đây đủ cho nên lấy bảo sở dụ cho lý, xe dụ cho trí thù thắng.

Hỏi: Hạng cùng tử dụ cho đối trị hạng hoàn toàn tăng thượng mạn, Thừa của ta cùng với Thừa của Như-lai đồng đều không hề sai khác. Nếu nói Thừa của ta cùng với Thừa của Như-lai không hề sai khác, tức là Thừa ấy cùng Như-lai thừa giống nhau, chính là Nhiếp Luận chép: Thanh-văn thành Phật khiến cho được giống như Phật. Nghĩa “tự thể theo ý vui” đâu cần phải đối trị?

Đáp: Có hai cách giải thích: Một nói suy nghĩ tự Tiểu thừa so với Như-lai thừa bình đẳng nói, như hạng cùng tử dùng để đối trị. Ta và Phật như nhau, cũng nên sẽ đạt được ý lạc này, tức là chẳng phải đối trị. Một nói người hàng định tánh rốt cuộc không thể thành Phật, chỉ

khiến cho đạt được ý lạc vì đồng thể. Người hàng bất định sẽ tùy đó thành Phật so tính cùng với Phật như nhau nhưng chướng ngại không hồi tâm. Nói đối trị tùy đối tượng nhắm đến mà có khác nên không trái ngược lẫn nhau.

Hỏi: Bốn đại Thanh-văn nói dụ lãnh hội hiểu rõ, tức là vô học. Luận vì sao nói vì hữu học mà nói?

Đáp: Dụ cho xưa kia ở nơi nhân mê chấp làm ngang nhau, nay ngộ dụ cho xưa kia nói vì hữu học. Lại tự mình đã hiểu rõ nói nói dụ hiểu còn lại nói là hữu học, điều ấy cũng đâu sai? Không như vậy, bốn người há tự mình đối trị hay sao?

Hỏi: Thụ ký Thanh-văn vì chung hạng bất định cũng có hạng khác chăng?

Đáp: Theo trong Luận giải thích tất cả vì bất định và biến hóa. Vì thế Luận nói hai loại Thanh-văn Như-lai cho thọ ký, đó là ứng hóa Thanh-văn, và lui sụt rồi trở lại phát tâm Bồ-đề.

Hỏi: Ai là bất định là biến hóa?

Đáp: Luận không phân định chắc chắn, theo trong kinh văn, một Mãn Từ Tử là biến hóa. Còn lại phần nhiều là bất định, đều nói từng phát tâm đại Bồ-đề.

Hỏi: Nếu chấp nhận thật sự Thanh-văn có hồi tâm làm thật, vì sao kinh Duy ma nói: “Thanh-văn chúng con cũng như hạt giống hoại nát không sử dụng được nữa”. Nhập Đại Thừa Luận và Bồ-đề Tư Lương Luận đều không chấp nhận trong kinh Pháp Hoa này có Thanh-văn thật sự, mà đều biến hóa. Cũng như gieo hạt gạo ất không phát sinh. Ý này không có sai lầm! Hơn nữa không chịu phát sanh vì sao nói tu hành được ba kỳ kiếp?

Đáp: Kia đều là căn cứ theo khen ngợi địa vị thù thắng của Đại thừa, trách mắng Tiểu thừa kia không khiến cho mong cầu hướng về, người hàng bất định cuối cùng quay về Đại thừa, khiến cho có tánh Đại thừa mau chóng cầu mong hướng về Đại thừa. Không như vậy thì kinh luận há có thể trái ngược nhau sao? Theo các văn này, lúc hội Pháp Hoa, bốn thứ Thanh-văn ban đầu đều còn ở pháp hội, sau ba lần ngăn lại, tăng thượng lui khỏi chỗ ngồi, không nói thật thánh cũng lui khỏi chỗ ngồi, mà để nghe kinh khiến cho thành tựu không ngu đần về pháp. Luận giải thích thọ ký và không vì thọ ký không chướng ngại ở chỗ ngồi, hoặc có thể không có định tánh. Luận nói có tổn hại kinh sợ, không được thọ ký, vì căn chưa thuần thực, cho nên không còn ở chỗ ngồi, lấy bỏ tùy ý.

Hỏi: Hóa Thành lấy gì làm Thế?

Đáp: Như Số giải thích, lại giải thích thêm rằng: Tam-muội thế gian sau tâm vô học nói là Hóa Thành, như Thế của hai xe, cùng căn bản trí không làm được nghĩa giải thoát, cho nên chỉ là hậu đắc trí mới nghĩ rằng Niết-bàn là rốt ráo. Kinh nói hóa làm. Luận chép: Người thứ tư ấy là phương tiện khiến cho đi vào thành Niết-bàn. Thành Niết-bàn là thành các thiền Tam-muội. Nếu như vậy vì sao nói có thể ngưng các khổ? Đáp: Vì được lia chướng, do đó vượt ra ba cõi, giống như hai xe vậy. Ở kia đã có thể nói ra khỏi nhà, nơi này sao không có thể dừng khổ? Nếu vậy hai xe sao không được như thiết lập Hóa Thành nói được đi vào? Đáp: Không có thể hiểu biết rõ ràng tất cả các pháp, vì chẳng phải chứng trí cho nên không được xe, vì sao? Vì chưa lia bỏ chướng trí. Làm sao được thọ ký Hóa Thành? Vì khổ của ba cõi dừng bật, được ở giải thoát, hoặc chướng đã lia. Nếu như vậy làm thế nào gọi là Niết-bàn? Đáp: vì tạm gọi Niết-bàn. Phẩm thứ hai nói: “Chỉ lia luống dối gọi là giải thoát, thật ra chưa có thể giải thoát tất cả”. Lại nói: Lúc ấy tâm tự nói là được đến nơi Niết-bàn, như tăng thượng mạn tự nói là đạt được quả, thật ra không đạt được”. Ở đây cũng như vậy. Nếu vậy thì vô học há không đạt được hữu dư hay sao? Đáp: Như hạng kia trí vô lậu ẩn kín mà không rõ ràng, chỉ nói về trí thế gian, gọi đó làm xe. Ở đây cũng như vậy, tuy có hữu dư mà chẳng phải rốt ráo, ẩn kín mà không chướng ngại, khiến cho lấy Đại thừa. Vì vậy Luận chép: “Khiến cho vào thành Niết-bàn. Thành trì Niết-bàn ấy là thành trì của các thiền Tam-muội. Nếu chính là chỉ về hữu dư vì sao nói đến tên gọi thành trì các thiền Tam-muội? Lại, kinh Thắng Man chép rằng: “Người đạt được bốn trí và Niết-bàn và biết gần cõi Niết-bàn” rõ ràng chẳng phải thật sự Niết-bàn, vì nói rằng khoảng cách gần kề. Nếu là Niết-bàn tức là nói đã đạt được, vì sao nói là gần? Luận Thành Duy Thức quyển mười chép: “Không nói vô học có Niết-bàn, là kia có hai cách giải thích. Một nói hoặc dựa theo tánh bất định, đạt được vô học rồi liền hồi tâm hưởng về Đại thừa, không nói hạng kia đạt được, đích thực giống với ở đây. Nếu người định tánh là hai xe dê - hươu thì phát sanh trí kia. Hóa Thành đã nói chính là hai Niết-bàn, vì rốt ráo kia, do đó chẳng phải tạm thời dừng nghỉ, cho nên không hưởng về Đại thừa, không giống như bất định.

Hỏi: Như cầu ba cõi lấy làm thế lực nói thí dụ nhà lửa khiến cho sanh ra chán ghét nơi đó không khiến cho tiếp tục cầu mà riêng nói về ba xe để làm đối trị. Người đã có định, thật ra không có Niết-bàn mà lại có tăng thượng mạn vì có Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề thế gian nhưng

thật ra không có Niết-bàn mà nảy sinh tưởng Niết-bàn. Đối trị điều này cho nên nói thí dụ về Hóa Thành, nên biết đã là hữu học chấp lấy Tam-muội thế gian để làm Niết-bàn, thật sự chẳng phải Niết-bàn, gọi là tăng thượng mạn. Nay chính là vì nói Tam-muội thế gian gọi là Hóa Thành, lẽ ra như nhà lửa khiến cho chán bỏ không giữ lấy. Làm sao được nói người thứ tư phương tiện khiến cho đi vào thành Niết-bàn? Vì thế nếu như chọn lấy Tam-muội thế gian gọi là Niết-bàn, há không tăng thêm kia chấp chẳng? Lại, không biết là hóa mới cầu mong đi vào thành kia, đã nói là hóa làm sao dám cầu để rồi sao hướng đến Đại thừa?

Đáp: Chính vì vô học bàn luận về việc xưa của họ. Quyền biến khiến cho được ngưng nghỉ, vốn muốn tạm dừng lại là hướng về Bảo sở khiến cho biết hướng về Đại thừa. Nay lại thêm nghĩa khác là đối trị hàng hữu học. Người bất định có khả năng hướng về Đại thừa. Người có định chấp Niết-bàn sở đắc của hàng vô học kia, lấy làm rất ráo, tác ý vui mừng hướng đến. Nay Phật vì đó nói Niết-bàn kia chẳng phải thật sự diệt độ, cũng như Hóa Thành. Vì lẽ đó ngày xưa nói Niết-bàn là Ta phương tiện khiến cho người lui sụt tạm thời vào thành Niết-bàn, giả tạm, nhân tiện được ngưng nghỉ mệt mỏi, sau khi vượt qua thành này, khiến cho đi vào thành lớn Niết-bàn là nơi trân trọng quý báu, làm cho hàng hữu học biết bỏ nơi này cầu mong Đại thừa. Vì đối trị nói làm nên Hóa Thành, mà vì đối trị không phải là nay hạ người thứ tư nói làm nên Hóa Thành càng khiến cho cầu mong đi vào, tương ư như văn giải thích, so với lý không sai trái. Ngu kiến như đây, lại mong có giải thích tốt hơn!

Hỏi: mười vô thượng chính nói về gì?

Đáp: Chính là vì hàng Thanh-văn tánh bất định. Luận nói thị hiện hạt giống vô thượng cho nên nói ra hai thí dụ. Sở hành của các ông là Bồ-tát đạo - nghĩa là phát tâm Bồ-đề lui sụt rồi trở lại phát khởi tu hành nang gốc lành trước đây không mất, nhân đó về sau người đó đạt được quả. Ý nói trong thân Nhị thừa thấy có hạt giống Bồ-tát, chỉ có thể trở lại tu tập thì đều được thành Phật, vì người phát tâm thì khiến cho kiên cố, người chưa phát tâm thì khiến cho nghe vô thượng cũng phát tâm. Đã nói lui sụt rồi trở lại phát khởi tu hành những gốc lành trước đây không mất, nhân đó về sau đạt được quả, rõ ràng là bất định. Nếu như vậy vì sao mười loại vô thượng không đều ở phần Chánh tông? Đáp: Chẳng riêng vì hiển bày lý nhất thừa, mà còn khen ngợi khuyến khích thọ trì, cho nên chung cả hai phần sơ lược trình bày về đại cương, còn lại không kể ra nhiều.

Hỏi: mười loại vô thượng này có thứ lớp gì không?

Đáp: Dùng nghĩa làm chuẩn mực. Khiến cho khuyến khích phát tâm cần phải dựa vào lực của nhân nói quá khứ kia từng gieo trồng nhân Đại thừa, làm cho thuận theo tu hành, nên đạt được quả Phật vì thế nói là hạt giống vô thượng, tức là vì rõ ràng nói sở hành của các ông là thành Bồ-tát đạo, rõ ràng ngày xưa phát tâm gốc lành không diệt mất, nay nghe Phật pháp trở lại giống như làm nhân, về sau đạt được quả. Đã có nhân thù thắng, thì phải trải qua thời gian lâu dài tu nhân vô thượng, mới có thể đạt được quả. Nói Đức Đại Thông Trí Thắng Như-lai sắp đạt được Bồ-đề còn phải trải qua mười kiếp, tức hiển bày là tu nhân vô thượng trên quả thù thắng. Kế là nói đến tu hành vô thượng, tu hành vô thượng là phải thực hành đại hạnh. Vì sao nói trung gian trao cho ở nơi Tiểu thừa? Chỉ vì ngày xưa từng phát tâm đại thừa, trung gian lui sụt Đại thừa không thể phát khởi ngay, nên quyền lập phương tiện khiến cho ngưng khổ đau rồi, sau đó tiến tới Đại thừa cho nên nói thêm lớn lực công đức vô thượng. Đâu biết ngày xưa từng phát tâm rộng, lớn nên nói thí dụ buộc châu khiến cho lãnh hội, vì thế kế là nói khiến cho hiểu rõ vô thượng. Đã biết ngày xưa tu tập nhân Đại thừa từ lâu, chỉ vì sợ Đại thừa, cho nên giữa chừng lui sụt, nay có thể nhớ nghĩ lại hiểu ra tu hành, như các Bồ-tát sẽ đạt được Tịnh độ, vì thế, kế là nói về cõi nước thanh tịnh Vô thượng. Hiểu, ngộ đã thêm lớn có thể nghe giáo Đại thừa, do đó kế là nói về ý chỉ vô thượng. Nghe giáo vô thượng chứa nhóm bao kiếp thực hành nhân đều thành tựu hạng người cao quý. Nên kế là nói về giáo hóa chúng sanh Nhân thù thắng vô thượng đã chứa nhóm nên đạt được quả thù thắng, không giống như Nhị thừa. Nên kế là nói về thành tựu Đại Bồ-đề vô thượng. Chứng đắc quả, tuy lại chứng diệt mà có thể hiện tại lợi ích cho chúng sanh. Pháp thân - Báo thân tuy luôn luôn còn, nhưng Hóa thân ứng vật thì không hạn định, tuy diệt mà không diệt, tuy sanh mà không sanh. Vì thế kế là nói Niết-bàn vô thượng. Những gì nói ra đã thù thắng thu được lợi ích vô biên, khơi dậy niềm tin cúng dường nghe pháp giữ gìn ngời ca, đạt được phước đức vô biên, hiện rõ thần lực, nêu lên thắng hạnh khác và người - pháp là chứng. Lại do từ lâu thực hành nhân năng hóa - năng thọ, bậc Thánh từ xa đến xin được nghe kinh, Như-lai xoa đầu, hết lời khen ngợi ba lần, rõ ràng việc thù thắng này sứ giả muốn lưu thông - vì thế kế là nói diệu lực thù thắng vô thượng.

Các Tông giải thích, nói khác nhau vô cùng tận, kinh luận xuất hiện và tàng ẩn nhiều môn, trong đó thấy biết vô lượng, sơ lược dựa vào

bàn luận thứ lớp, chọn lấy kể lại phần ít, phần lớn không muốn nêu lên đối với chỗ nghe rộng rãi, chỉ vì đầy đủ thời gian nên phải như vậy.

